

ORGAN HOANG PHAP CUA GIAO HUI TANG GIA TOAN QUOC



LIÊN HOA

NGUYỆT SAN

SỐ 11 — THÁNG MƯỜI MỘT NĂM CANH-TỶ

LIÊN - HOA

Nguyệt - San

Số 11 năm thứ VI

Rằm tháng 11 năm Canh-Tý (1-1-1961)

TRONG SỐ NÀY:

| | |
|---|---------------------------|
| Phong trào học hỏi | <i>Liên-Hoa</i> |
| Bài giảng trong dịp Khánh - Đản Đức Phật | |
| A Di Đà | <i>Thích Minh-Tuệ</i> |
| Tôi tuyên chiến | <i>Nguyễn-khắc-Từ</i> |
| Tìm hiểu phái ZEN ở Nhật | <i>Thích Thiên-Ẩn</i> |
| Trăng giữa mùa (Thơ) | <i>Huyền-Không</i> |
| Niềm tin (Chuyện ngắn) | <i>Hương-Nghiêm</i> |
| Thư gửi bạn hay giải-đáp những thắc mắc | <i>Nguyễn-Thái</i> |
| Những ngã đường (Chuyện dài) | <i>Võ đình-Cường</i> |
| Lối cũ (Thơ) | <i>Nghiêm-Tĩnh</i> |
| Tác phong của người Phật-tử | <i>Thích-nữ Cát-Trùng</i> |
| Phỏng vấn Diễn-Bồi Pháp-Sư | <i>Bài-Chánh Như-Trí</i> |
| Tin tức. | |

Bìa do Họa-sĩ Phạm-dăng-Trí trình bày

PHONG TRÀO

HỌC HỎI

LIÊN HOA

HIỆN nay, trong giới Phật-tử đang có một phong trào học hỏi hăng hái, náo nức.

Trước tiên, hãy nói đến hàng thanh, thiếu-niên xuất-gia. Từ Bến-hải đến Cà-mâu, hầu hết các học-tầng, nam cũng như nữ, đang hăng hái tìm học ngoại điển. Ở Trung-Việt, tất cả các trường Bồ-đề, bóng dáng những chiếc áo nhật bình, lam hay đà, mỗi ngày mỗi nhiều. Và ở Nam-Việt, nhất là ở Sài-gòn, thủ-đô chính-trị, kinh-tế và văn-hóa, số học-tầng trong các trường công và tư mỗi ngày mỗi đông. Không ai bảo những vị tăng, ni đều nhận thấy sự cần thiết của văn-hóa, của ngoại điển trong cuộc truyền bá Phật-giáo, (dĩ nhiên là trước phải có căn bản nội điển). Vì thế, họ không ngại khó khăn, sẵn sàng vượt mọi trở ngại vật-chất, hoan-hỷ chấp nhận mọi phương-tiện thiếu thốn, nghèo nàn để theo đuổi sự học hỏi của mình. Thật là một thái-độ cầu học đáng quý mến.

Trong khi ấy thì hàng Phật-tử tại-gia, nhất là trong lớp thanh-niên trí-thức lại hăm-hở tìm học Phật-pháp. Phong trào học Phật này, điển hình nhất là ở thủ-đô Sài-gòn. Hàng tuần, bao nhiêu lớp học Phật-pháp đã được tổ chức để thỏa-mãn nhu-cầu tìm học của giới Phật-tử thủ-đô.

Trước hết là lớp học Phật-pháp mở tại chùa Xá-lợi, cho các huynh-trưởng gia-đình Phật-tử tại thủ-đô. Hai buổi giảng khác cũng được mở tại chùa Xá-lợi vào sáng chủ nhật và tối thứ năm cho các hàng Phật-tử lớn tuổi. Trong lúc ấy tại chùa Ấn-quang trụ sở của Giáo-hội Tăng già Toàn quốc và Nam-Việt, cũng có những lớp giảng vào ngày chủ nhật từ 7 giờ 30

đến 9 giờ cho toàn thể học-tăng, ni tại thủ-đô, từ 9 giờ đến 11 giờ cho nam nữ sinh viên; buổi chiều từ 3 giờ đến 5 giờ cho các Phật-tử lớn tuổi. Ngoài ra vào tối thứ tư cũng có một buổi giảng về Duy thức học cho lớp Cư-sĩ đã theo học các khóa Phật-học phổ-thông từ 4 năm nay. Những buổi giảng này, ở chùa Xá-lợi hay chùa Ân-quang, bao giờ cũng đông đặc thính giả, hay nói cho đúng, học viên. Sự náo nức học tập ấy là một hiện tượng vô cùng phấn-khởi cho giới lãnh đạo Phật-giáo nước nhà.

Và chúng ta đi sâu vào vấn-đề, tìm nguyên nhân và mục-đích của phong trào học hỏi ấy, chúng ta lại càng tin tưởng ở tiền đồ rực rỡ của Phật-giáo Việt-Nam.

Sự hăm-hở tìm học ngoại điển của tăng, ni cũng như sự náo nức học hỏi Phật-pháp của Phật-tử tại gia đều không phải do sự thúc đẩy của mục-đích danh hay lợi. Tăng ni đi học ở ngoài không cốt giết được mãnh bằng để làm oai với thiên hạ, hay để chiếm một địa-vị có lợi trong xã-hội. Họ học để so sánh ngoại điển và nội điển, và do đó xác định cái giá-trị của Phật-pháp; học học để theo kịp đà tiến triển của xã-hội, nhân-loại, do đó khỏi tách rời Đạo và Đời. Tóm lại, họ học để truyền bá đạo Phật một cách có hiệu quả hơn, giúp ích cho đời một cách sâu rộng hơn.

Còn Phật-tử tại gia, già cũng như trẻ, nam cũng như nữ, khi đi đến chùa học Phật tất nhiên cũng không bao giờ nghĩ đến mục-đích lợi danh, không ai nghĩ rằng mình phải biết cho nhiều Phật-pháp để làm oai với thiên hạ, cũng không ai hy-vọng rằng Phật-pháp sẽ đem lại cho mình nhiều quyền lợi vật chất hơn. Điều ấy đã rõ ràng, tưởng không cần phải nói nhiều hơn nữa họ học Phật, nghiên-cứu Phật-pháp là để tìm một nghĩa sống, một lối sống có giá-trị, thanh cao, thoát vòng triền phược nghiệp chướng làm mê mụ họ không tìm thấy ở một nơi nào khác.

Với cái phong trào học hỏi không vụ lợi ấy của hàng xuất gia cũng như tại gia, Phật-giáo Việt-Nam hứa hẹn với chúng ta nhiều triển vọng tốt đẹp, huy-hoàng...

Bài giảng ngày 17 tháng 11 trong dịp **KHÁNH - ĐẢN ĐỨC PHẬT A-DI-ĐÀ**

THÍCH MINH-TUỆ

CÓ dịp đi vòng quanh thế-giới hay xem báo-chương chúng ta cũng biết được rằng trên mặt địa cầu này các quốc-gia đều khác biệt nhau. Tương đối, có quốc-gia hằng được an-lạc, thanh-bình; trái lại, có quốc-gia dân-chúng mãi mãi sống trong hồi-hộp, lo âu: Nào nạn xâm-lãng, nào kinh-tế lũng-đoạn, nào cảnh nổi da xáo thịt... Đó là chưa kể những thiên-tai luôn luôn đe dọa thân phận con người. Chỉ một thế-giới mà đã thế, huống hồ giữa vũ-trụ bao la, có muôn ngàn thế-giới cách biệt nhau sao lại không có thế-giới lâm tang thương, thế-giới an vui bất tận? Nếu đan cử theo giáo-lý đạo Phật, có thế-giới - Ta - bà (Trung-Hoa dịch là *Kham năng nhãn khô*, nghĩa là chúng-sanh ở trần gian kham nhận những nỗi thống khổ) và thế-giới cực-lạc.

Mang thân phận con người — chúng sanh — vật lộn với cuộc sống bi-ai, chúng ta ai lại không ước mơ một cuộc sống vĩnh-viễn thanh-bình an-

lạc? Nhất là người con Phật, sau khi đã nhận rõ mặt thật của cuộc đời là vô-thường, xáo trá. Nhờ thẩm-nhuần giáo-lý Tứ-bi, người Phật-tử hằng muốn tìm nơi an-tĩnh để tu-luyện với chí nguyện mong thành chánh-giác để rồi trở lại trần-gian cứu-độ sanh-linh. Bờn thế ngày 17 tháng 11 ngày kỷ-niệm đức Phật A-Di-Đà, ngày nhắc nhở người con Phật đời niệm chúng-sanh thành niệm Phật để gieo nhân vãng-sanh Tịnh-độ. Và nếu, lời nói và việc làm được phản ảnh trung-thành bởi lòng tinh-tấn niệm Phật tất sẽ thực-hiện được thế-giới Tịnh-độ ngay giữa thế-giới này. — *Tư-tánh Di-Đà duy-tâm Tịnh-độ—. Vậy trong giờ phút trang nghiêm và thanh-tĩnh này toàn thể Phật-tử chúng ta phải vận tâm chí-kinh, chí-thành, hướng lên đài sen, đốt nén hương lòng làm lễ kỷ-niệm Ngài.

Theo lời đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni: Vị giáo-chủ của chúng ta nói lại; thì đức Phật A-Di-Đà là vị giáo-chủ ở thế-giới Cực-lạc phương-tây.

Lịch-sử và kinh-diễn ghi chép về công hạnh tu - hành trong thời quá-khứ của Phật A-Di-Đà có rất nhiều, song quan - trọng và đầy đủ hơn cả là vài sự-tích sau đây :

Kinh Đại-Di - Đà chép : Về thời đức Phật Thế tự tại Vương ra đời có vị quốc-vương tên là Kiêu-Thi-Ca. Vua Kiêu-Thi - Ca sau khi nghe đức Phật thuyết sự thành, trụ, hoại, không của vũ-trụ ; định luật sanh, già, bệnh, chết luôn luôn chi phối con người, quốc - vương liền phát tâm xuất - gia làm vị Tỳ-kheo hiệu là Pháp-Tạng.

Với lòng từ-bi vô-lượng, một hôm Ngài dành-lễ đức Phật, quì gối, chấp tay cầu Phật chứng - minh rồi phát thệ nhiếp-hóa chúng-sanh. Do nguyện lực ấy cho nên về sau được thành Phật hiệu là A-Di-Đà, thế-giới gọi là Cực-lạc.

Lại theo kinh Diệu - pháp Liên-hoa ghi : Về thời quá - khứ có một đức Phật hiệu là Đại - Thông-Trí-Thắng, trước khi xuất - gia có 16 người con. Đến lúc thành Phật, Ngài đi sâu vào đời sống quần-chúng để thuyết - pháp giáo - hóa. Noi gương thân-phụ, 16 người con cũng xin xuất-gia tu-hành. Một hôm, 16 người con lãnh-hội được ý nghĩa nhiệm-mầu của kinh Pháp-hoa do đức Phật thuyết, liền phát tâm tu tập thiền-định và phát nguyện cứu - độ tất cả chúng-sanh. Nhờ hạnh-nguyện ấy cho nên

về sau được thành Phật tất cả. Trong đó có một đức Phật hiệu là A-Di-Đà, vị hạnh-nguyện lớn lao hơn hết.

Kinh Bi-Hoa lại nói : Trong vô-số kiếp về trước có vị Chuyển - luân Thánh-Vương tên là Vô-tránh-niệm chuyên-luân có một vị Đại - thần tên là Bảo - Hải. Đại - thần lại có một người con tướng tốt lạ thường. Lúc mới sanh được nhiều người nể chuộng cho nên đặt tên là Bảo-Tạng. Khi khôn lớn, Bảo - Tạng nhìn thấy cuộc đời đầy dẫy đau thương do phiền-não, tham, sân, si của chúng-sanh làm nguyên động lực nên Ngài phát nguyện tu-hành và chứng thành đạo quả hiệu là Bảo-Tạng Như-lai.

Một hôm vua Vô-tránh-Niệm tự nghĩ : « Không biết các đức Phật các vị Bồ-tát nhờ công hạnh gì mà được cảnh giới thanh - tịnh, phước tướng trang nghiêm, sống lâu vô-lượng ? Còn chúng-sanh vì nghiệp gì mà phải dọa dày trong chốn trần-lao, như-bần, xấu xa, đau khổ và số kiếp ngắn ngủi ? » Tìm không ra nguyên do, vua Vô - tránh - Niệm mang nỗi thắc mắc ấy đến hỏi đức Bảo-Tạng Như-lai. Đức Như-lai đáp :

« Các đức Phật, các vị Bồ - tát có đức thệ-nguyện rộng lớn, làm việc lợi ích cho chúng-sanh, hằng cầu cho thế-giới, chúng-sanh được hoàn toàn thanh-tịnh. Do đó, cho nên khi thành Phật, thế-giới giới được thanh-tịnh

trang-nghiêm, sống lâu không kiệt kể. Còn chúng-sanh thì ngược lại, hằng tham - lam - độc - ác, mê - muội và hèn-nhát, không tu luyện từ-bi, trí-tuệ và hùng-lực. Do đó nên phải luân - hồi trong chốn trần - lao, khổ - ải ».

Sau khi đã thấm-nhuần pháp-vị, Vua liền phát tâm cúng dường đức Phật và Đại chúng các thức ăn, y-phục, tọa - cụ và thuốc men suốt ba tháng an-cư. Lúc ấy, Đại thần Bảo - Hải lại nêu rõ sự hư - giả của cảnh - giới bên ngoài cũng như con người bên trong, rồi khuyên vua phát Bồ-đề-tâm, cầu đạo vô - thượng. Vua liền phát tâm đối trước đức Bảo - Tạng Như-lai, phát 48 lời thệ-nguyện rộng lớn. Trong đó có một lời thề :

* Khi thành Phật, thế-giới cực-kỳ trang - nghiêm thanh - tịnh, có đủ các công-đức thù-thắng. Và nguyện, nếu có một chúng - sanh nào niệm tới 10 lần khi lâm chung, tôi sẽ tiếp-dẫn về cõi nước tôi và Sê hóa độ cho chúng-sanh ấy như-ý thành Phật *. Vua Vô-Tránh-Niệm phát nguyện xong, đức Như-lai liền thọ ký cho sau này thành Phật hiệu là A-Di-Đà và cõi nước gọi là Tây - phương Cực - lạc. Riêng Đại - thần Bảo-Hải cũng được thành Phật hiệu là Thích-Ca-Mâu-Ni.

Nhờ hạnh - nguyện ấy, nên qua nhiều sau 3 tăng - kỳ kiếp tu tập, Vua Vô-Tránh - Niệm hoàn thành Chánh-giác.

Tụng lại vài nét trang-sử của Phật A - Di - Đà chúng ta thấy, quả thật, Ngài là một vị suốt trong thời-gian quá-khứ luôn luôn tiến hành tu-luyện theo hạnh Đại Từ - bi, Đại trí - tuệ và Đại Hùng - dũng để nhiếp-hóa muôn loài. Bởi thế danh-hiệu Ngài được tròn đầy ba ý nghĩa : Hào-quang vô-lượng, thọ mạng vô-lượng và công-đức vô-lượng.

Hào-quang vô-lượng nghĩa : là hào-quang trí-tuệ của Ngài chiếu khắp muôn vàn thế-giới không gì chướng ngại và không có chỗ nào là không soi thấu (Trí-đức : giác-ngộ triệt - ðề)

Thọ mạng vô-lượng nghĩa là thân mạng của Ngài sống lâu không lường kể (Đoạn-đức : dứt sạch phiền-não).

Công-đức vô-lượng : nghĩa là công-đức nhiếp hóa chúng-sanh của Ngài rộng lớn không kể xiết. Chỉ Pháp-thân của Ngài thôi cũng đủ làm cho chúng-sanh diệt trừ được mọi phiền-não, mỗi khi chúng - sanh chiêm-ngưống Ngài, hưởng hồ năng - lực nhiếp-hóa của Ngài thì làm sao xiết kể (Ản-đức : hoàn - thành năng - lực giáo-hóa chúng-sanh).

Qua trang - sử Bi - Hùng của đức Phật A-Di-Đà, đứng trên phương-diện đối với tha nhân để xét, chúng ta còn thấy tình Ngài đối với chúng-sanh thật thâm thiết hơn tình mẫu-tử chỉ một lời nguyện, nếu có chúng-

sanh nào khi lâm - chung niệm Ngài mười niệm thôi, Ngài sẽ tiếp dẫn về cõi nước Ngài cũng đủ minh-chứng với chúng ta điều đó. Phải chăng vì thế mà chúng-sanh kính tưởng Ngài và trong 84.000 pháp môn của đức Phật chỉ có pháp môn niệm Phật là đơn-giản mà chóng đạt kết quả hơn cả? Một vị Tồ-sư đã nói: « Pháp môn niệm Phật là đường tắt trong các đường tắt; người tu pháp-môn ấy không khác con một đục ngang ống tre để ra ngoài vậy ». Trong kinh, đức Phật Thích - Ca - Mâu - Ni cũng nói: « Đức Phật A-Di-Đà là vị Phật có nhân-duyên với chúng-sanh ở thế-giới Ta-bà nhiều hơn cả. Sau khi giáo-pháp ta không còn tồn-tại ở thế-gian nữa, bởi lòng tham - vọng và độc-ác của con người lên đến cực-độ, song sáu chữ: Nam mô A - Di - Đà Phật vẫn còn có người niệm đến ».

Bởi phương - tiện tu tập dễ dàng mà chóng đạt kết-quả ấy đã khiến Phật-tử Việt-nam, hầu hết đều theo pháp-môn niệm Phật, cầu vãng sanh Tịnh-độ. Các chùa, nhất là nhiều nhà đều tôn thờ tượng Phật A-Di-Đà, Tượng Ngài hoặc đứng hoặc ngồi, tay phải dưới xuống phóng quang, tay trái bắt ấn cam - lồ, Mục - đích, phá trừ hắc ám, rưới tắt phiền-não, tham, sân, si, những thứ làm cho chúng-sanh phải đắm chìm trong ba cõi, sáu đường. Trong những lúc làm lễ Phật, khi lâm-chung, khi tổng-tát

người Phật - tử đều niệm đến danh-hiệu Ngài, mục - đích cầu biến đổi cảnh - giới ô - trược thành cảnh sống thanh-tịnh, cầu cho chúng - sanh diệt trừ được các tà niệm và thoát tam tai bát nạn... Danh-hiệu ấy, ngay cả những người chưa nhập vào hội Phật-giáo Việt - nam, chưa qui - ngưỡng Phật, chưa hiểu Phật là gì thế mà dẫu dẫu lầm khi chúng ta cũng nghe họ niệm đến. Vậy trong ngày kỷ-niệm hôm nay, người Phật - tử phải tự thấy kết hoa, xông hương, đốt đèn... vẫn chưa đủ để làm lễ kỷ-niệm Ngài. Chúng ta cần phải noi gương Ngài nhìn thẳng vào thực-trạng của cuộc sống nhiều hơn nữa để phát đại Bồ - Đề tâm, giúp ích cho đồng - bào, đồng - loại và tất cả chúng - sanh.

Bao nhiêu cảnh - giới ở thế - gian này đều là bọt nước bèo mây. Chúng ta từ khi mới sanh ra cho đến lúc trút hơi thở cuối cùng, sự vui chả được bao lâu. Có vui chẳng nữa, sự vui ấy cũng chỉ là vui tương đối, vui trá hình của khổ não, vui chỉ thoáng qua trong chốc lát mà thôi.

Ngoài định luật sanh, già, bệnh, chết, chúng ta còn chịu không biết bao là khổ tâm khác nữa: Nào là ân ái xa lìa, nào là oán thù gặp gỡ, nào là mong cầu không được, được rồi liền mất... Thật là vô số kể! Đức Phật đã dạy: « Nước mắt của chúng

sanh đã tràn ngập cả tam - thiên đại-thiên thế-giới và nó còn dâng lên mãi mãi, nếu lòng tham dục, hành vi xấu ác, ích - kỷ, hại người nơi mỗi cá-nhân cũng như toàn thể không được đôi bằng tâm hạnh từ - bi rộng lớn theo công-lý và chánh-đạo.

Nhìn vào cảnh sống hiện tại chúng ta cũng thấy được biển nước mắt đau thương của thế - giới hiện đang âm-ý dâng lên, bao phủ thân phận con người. Nhân - loại không thấy điều đó, lại còn thi đua chế tạo vũ - khí nguyên tử, làm cho con người luôn luôn phải sống trong hồi-hộp và lo âu.

Cái hư ảo của thế - giới, cái đau khổ của thân phận con người không riêng gì Phật-tử chúng ta mới quán triệt, các thi hào xưa nay từ Á đến Âu cũng nói lên thảm trạng ấy trong tác phẩm nghệ thuật của họ.

Trong cung oán ngâm khúc. Ôn Như-Hầu đã viết :

**Trắng răng đến thuở bạc đầu
Tử, sinh, kính, cụ làm nau
mấy lần**

hoặc :

**Nghĩ thân phù thế mà đau,
Bọt trong bể khổ, bèo đầu
bến mê.**

Rồi ông muốn xuất-gia đầu Phật, thoát ly cuộc thế :

**Thà mượn thủ tiêu dao của
Phật.**

**Mối thất tình quyết dứt cho
xong,**

**Thoát trần một gót thiên
nhiên,**

**Cái thân ngoại vật là tiền
trên đời.**

Hào hùng, yêu đời, thích hoạt-động như Nguyễn - công - Trứ cũng phải thừa nhận con người không khỏi khổ, kè từ khi mới lọt lòng mẹ và khuyến đời nên bỏ bớt nhân dục :

**Thoạt sinh ra thì đã khóc thê
Trần có vui sao chẳng cười
khi**

Khi hỷ lạc, khi ái ố, lúc sầu bi.

**Chứa chỉ làm một bầu nhân
dục.**

Đến như ngày nay, con người sống trong thế-giới tạm gọi là văn minh vật chất, thế mà Huy-Cận cũng rên :

**Một chiếc linh hồn nhỏ,
Mang mang thiên cổ sầu.**

Và ngay cả lúc mùa xuân đến, vạn vật reo ca, song Chế lan Viên vẫn thốt lên những câu vô cùng ảo não :

**Tôi có chờ đâu đợi đâu,
Đem chỉ xuân đến gọi thêm sầu**

**Với tôi tất cả đều vô nghĩa,
Tất cả không ngoài nghĩa khổ
đau.**

Thế thì cuộc sống gần một thế-kỷ của con người hầu như đã chết từ lúc mới sinh. Claude Bernard, một nhà sinh-lý học Pháp nói : « có sống bắt đầu có chết » Và có lẽ hơn tất cả, Aristote đã thay nhân-loại nói lên tâm trạng hoang-mang và áo não ấy, trong câu : « Tôi sanh trong mê - muội, sống trong hồi hộp; chết trong hoài nghi ».

Nguyên nhân ấy từ đâu ? Theo lời Phật dạy thì thế-giới Ta-bà đầy khổ ải này đều do con người gây ra rồi tự hưởng lấy. Nếu chúng ta biết chuyển những tâm-niệm tham-lam, tàn-bạo, si-mê, hèn nhát thành từ-bi, hỷ-xã, trí-tuệ, hùng-dũng như đức Phật Di-Đà và nếu nhân-loại đề lời nói đi đôi với việc làm theo tâm lượng vị tha rộng rãi, thương người, giúp người, tất thế giới sẽ trở thành cảnh sống Tĩnh - độ. Niết - bàn hay sinh tử không do bàn tay của kẻ nào sắp đặt hoặc do vật chất tạo như nhiều người tưởng. Bởi thế chúng ta đừng cầu khẩn ở đâu, hoặc ở quá khứ xa xưa, hoặc mơ ở vị lai không bao giờ đến, chúng ta đặt tất cả vào bàn tay chúng ta, vào lòng hướng thiện của chúng ta. Phải chăng ta là quan - trọng hơn

cả nên Paul Adam đã nói :

**Bao kẻ đi tìm trong quá khứ,
Vạn pháp huyền - vi của cuộc
đời,
Bao kẻ đi tìm trong ngày sẽ lại,
Cảnh hoa chóng nở đượm màu
trụi,
Nhưng người nên hãy hóa
lòng người,
Thành đỉnh trầm trong cảnh
lặng thời.**

Xác nhận như vậy rồi, chúng ta phải đứng tiến với ý niệm lạc quan, đem cái ta nhỏ bé phụng sự cái ta rộng bao la. Tùy tài, tùy lực của mình một niệm bình-đăng, không so hơn tính thiệt, tích cực theo công-hạnh của từ-bi bác - ái của Phật A-Di - Đà. Làm như thế đề vai bớt những nỗi khổ đau, bao điều uất hận cho thân phận con người trong hiện tại cũng như tương-lai. Là Phật - tử, nếu thực hiện được như thế, mới có ý - nghĩa đối với ngày kỷ - niệm đức Phật hôm nay. Vì kinh có dạy : « Phụng - sự chúng sanh là cúng dường chư Phật ». Hơn nữa, có làm được việc phước thiện lớn lao ấy mới hằng mong khi lâm chung được đức Phật Di-Đà và Thánh chúng tiếp dẫn về thế-giới cực-lạc. Bởi kinh Di - Đà có câu : « *Bát khả di thiêu thiện căn phước*

đức nhân duyên đắc sanh bỉ quốc »
(không thể dùng chút ít thiện căn
phước đức nhân duyên mà được sanh
về thế-giới cực-lạc).

Song muốn thực hiện được chí
nguyện vị tha rộng lớn, điều kiện
là hằng ngày chúng ta phải diệt tâm
niệm chúng sanh, niệm nhiều danh
hiệu Phật :

Thiểu thuyết nhất cú thoại,

Đa thuyết nhất cú Phật,

Đã đắc niệm đầu tử

Hứa nữ pháp-thân hoạt.

Nhất là niệm với tâm chí kính chí
thành, không nghi ngờ, không gián
đoạn và không vì một biến chuyển
gì mà thối tâm. Tĩnh-dộ không đầu
xa, chính ở tâm ta. Di-Đà cũng
ở tự tánh ta. Một vị Tò-sư đã
nói : « *Nhất cú Di-Đà vô biệt
niệm, bất lao đàn chỉ đạo Tây-
phương.* »

Đề ước nguyện chóng viên thành,
trong ngày kỷ niệm hôm nay chúng
ta đồng tụng danh hiệu Ngài để cầu
Ngài gia hộ.

NAM MÔ TÂY-PHƯƠNG CỰC-LẠC THẾ-GIỚI ĐẠI-TỬ ĐẠI-BI A-DI-ĐÀ-PHẬT

VIỆT-NAM PHẬT-GIÁO SỬ-LƯỢC

Do Thượng-tọa THÍCH-MẬT-THỆ nguyên Giáo-sư Đại-học--
Đường Phật-giáo ở Huế biên soạn, ngài Hòa-Thượng
PHƯỚC-HUỆ đề lời tán-ngữ, Thích-Ngọc TRẦN-VĂN-GIÁP đề tựa

— Một công-trình nghiên-cứu tham khảo, nhiều tài-liệu quý báu
chính xác trong ngữ-lục, gia-phả các chùa xưa, trong những sù-liệu
bằng Pháp văn, Hán văn và Việt văn của trường Viên-đông Bác-cò.

— Một quyển sử trình-bày có phương-pháp, hệ thống và nhiều
bảng đồ.

— Một quyển sử gồm nhiều thì, văn-phẩm, trình bày bằng hai
thứ chữ Hán — Việt đối chiếu rất tiện dụng cho độc giả.

— Một quyển sử không thể thiếu được của những nhà học Phật,
Giáo-sư và Sinh-viên.

Nhằm nhu-cần thiết-yếu VIỆT-NAM PHẬT-GIÁO SỬ-LƯỢC
được tái-bản lần thứ ba với tất cả sự cố-gắng hoàn-mỹ.

THƯ TỬ LIÊN-LẠC VỚI

NHÀ TÔNG PHÁT-HÀNH

Xin đề tên thù

THÍCH-LIỄU-KHÔNG

— Phật-học-viện Nhatrang —

Phật-học-viện Nhatrang
tại Nhatrang

TÔNG-PHÁT-HÀNH

Mỗi quyển giấy thường 50\$

Giấy trắng bìa da chữ vàng 70\$

TÔI TUYÊN CHIẾN

VỢ tôi chưa kịp cất nón đã tươi cười thủ thỉ :

— « Trưa nay chủ nhật, em sẽ đãi anh một món ăn tuyệt vời.

Tôi chấp miệng luôn mấy cái, âu yếm nhìn vợ mà tôi đã biết tài « nội tướng ». Quả thật như một tướng lãnh dàn mặt trận, Bi (tên vợ tôi) tuần tự dàn quân : Mấy cây xà-lách non nõo mới thấy cũng đủ thềm. Con cá tươi rói, cặp mắt đỏ ngầu, trọn dọc nhìn tôi như muốn hỏi : « sướng chưa ? » Ít cây hành tuy tôi không thích lắm nhưng với một cái liếc nhanh, Bi nhỏ nhẹ :

— Thiếu nó, mất hết mùi vị.

Tôi không đáp được vì nước miếng cứ chảy ra hòai.

Một miếng thịt bò đỏ ngòm còn ướt huyết chứng minh thịt mới « ra lò » và thuộc loại « bò tơ ». Chưa ăn đã thấy ngon. Bếp chưa đỏ mà đã nghe mùi thơm. Nó nằm tròn trờ ra đáy như thôi thúc dạ dày đòi hỏi.

Món này thì anh vừa ý lắm ! Tôi đưa tay đỡ lấy « của quý ». Nhưng, như bị điện giật, mặt tôi xám lại. Mắt đỏ ngầu nhìn chằm chặp vào nhãn hiệu của món « MÌ CHAY ÔNC PHẬT » rồi nhìn xoi mói vào vợ tôi. Mấy cái vảy cá tanh hôi dính lên chiếc áo vàng của hình ảnh. « Máu đỏ » của miếng thịt che lấp chữ vạn và loang lổ nét mặt của Ngài. Tim tôi nhức buốc. Tôi cảm thấy cái gì uất nghẹn chấn ngang cuống cổ. Nghẹn ngào, uất hận trước sự xâm phạm một hình ảnh thiêng liêng, tôi « tổng » một đá. Cả những món ăn quý giá, vô tội tung tóe. Mấy cây xà-lách nhàu nát nép mình bên góc tường, phủng phịu. Con cá nhầy đành dạch trách móc « kẻ giận mèo đánh chó ». Miếng thịt lẫn

lốc lấm bụi hết cả về ngon lành ban này. Cảnh đó, mấy cây hành than
thở số phận dở dang!

Vợ tôi, thu mình trong góc cửa hai hùng nhìn tôi, mặt cắt không
còn giọt máu trước sự thay đổi quá đột ngột của chồng.

Cái gì đã xảy ra?

Chồng mình điên?

Chồng mình trở chứng?

Ma quỷ nào nhập vào chồng mình?

Một biến cố trong cuộc đời « chồng con » của Bi. Phải nói là một
biến cố quan trọng, vì từ khi về nhà chồng, chưa có ngọn gió lốc bất
thần nào tàn bạo như hôm nay. Bi lấm lét hết nhìn các món ăn đến
nhìn tôi, nước mắt rưng rưng. Qua cơn xúc động ban đầu, lòng tôi
địu lại. Tôi ngồi xuống ghế, hai tay ôm đầu quan sát hình ảnh Đức
Phật làm quảng cáo: Cái mặt bị rị đến « để ghét ». Nhìn vào hai bàn
tay, máu tôi sôi nóng. Phật gì lại một tay lần chuỗi hạt, một tay nắm
bao mì? Có lẽ ông Phật này nhờ bao mì mà « béo » đến mắt cá cò như
thế chẳng? Hai tay đánh xuống bàn, tôi hét lớn: « TUYÊN CHIẾN »
Vợ tôi, từ lâu đứng sau tôi — mà tôi biết qua hơi thở và qua vài
giọt nước mắt xuống cổ — nghe tôi hét, bỏ chạy núp bên tủ. Tôi
nghĩ cho Bi! em có biết gì đâu? Em là một nạn nhân của chính sách
quảng cáo vô lương tâm. Tôi nghĩ đến bao nhiêu người vợ thương chồng
như Bi bị thu hút bởi cái « tên » gái đứng chỗ ngựa.

— « NHẤT ĐỊNH PHẢI TUYÊN CHIẾN »

Tôi đọc được về bối rối trong mắt vợ. Sao lại nói chiến tranh
trong lúc mọi người đòi hỏi hòa bình? Một người Phật-tử thuần thành
như tôi mà có thể « ác khẩu » được ư?

« Tuyên chiến » sao được với tay không? Khi sau lưng không có
một tên lính?

Tuyên chiến với ai?

Vì sao phải tuyên chiến?

Bấy nhiêu câu hỏi quay cuồng trong trí óc Bi. Nàng ái ngại nhìn tôi, tìm triệu chứng của bệnh điên. Tôi đến bên Bi, vuốt mái tóc rối bù, rút khăn lau mấy giọt nước mắt còn đọng lại, nhỏ nhẹ:

« Mở đầu chiến trận của anh, kể từ ngày nay, em tày chay bất cứ món gì hoặc dùng danh hiệu Phật, hoặc dùng hình ảnh Phật để quảng cáo ».

Bi càng ngơ ngác hơn. Bao nhiêu « lời đình » chỉ đem lại kết quả « tiêu cực » ấy ư! Tuy nghi ngờ, nhưng Bi gượng cười, ngúc đầu lìa lìa và nép vào mình tôi tìm sự che chở. Tôi thương hại. Bi không hiểu là phải; những con người sống thuần tình cảm thì lý trí ít chỗ đứng trong óc nên dễ bị lợi dụng. Tôi phải vận dụng « chiến tranh tâm lý » để « giác ngộ » Bi. « Em là một Phật-tử » Trong người em có mang ít nhiều dòng máu của Đức Từ-phụ. Em nở nào để dấng « cha lành » của chúng ta bị đem ra làm « một đề tài quảng cáo » không hơn không kém? Chao ôi! bỏ vợ, bỏ con bỏ cả cung vàng điện ngọc, một mình một bóng nào tu khổ hạnh, nào chiến đấu với Ma vương để rồi chễm chệ ngồi trên bao mì, trên bao đèn hay tệ hơn nữa trên chai xì dầu... Em vào một tiệm tạp hóa, chẳng khác nào trong giò chợ của em, hình ảnh đức Phật được xếp bên cá khô, bên mâm ruốc, bên hành, bên tỏi, bên... và bên...? Rồi mang về nhà, những tấm ảnh ấy sau khi được « rút ruột » ở trong, lại bị vò vầy vất vào sọt rác, lẫn lộn với những đầu tôm đuôi cá, cộng cái lá rau, lá như giấy nhóp.

Thế mà em chịu được ư?

Bi chăm chú nghe tôi. Nét mặt thay đổi từng lúc, dáng suy nghĩ. Sắc mặt trở tại hồng hào:

— « Ừ! sao họ lại không dùng nhãn hiệu khác? »

Tôi cười phì:

— « Em nhớ lại câu giới thiệu: « Món này thì anh vừa ý lắm! »

— « Phải rồi, Phật-tử ăn mì « Ông PHẬT » là đúng điệu lắm chứ!

— « Chính đó em ạ ! Cá đã cắn câu !

— Cá đã cắn câu ?

— « Ừ, cá đã cắn câu. Em biết không ? Có bao nhiêu triệu tín-đồ Phật-Giáo trên miền Nam này ? Hết chín mươi phần trăm dân cư. Phần nhiều cũng nghĩ như em nên bị « mắc mưu » bọn con buôn, danh hiệu « ông Phật » là mỗi câu Phật-tử ! Họ đã thành công về cả tâm lý quảng cáo, về cả tài chánh thu hoạch được, không phải vì bán mì mà bán « Ông Phật », « CON CÁ BỊ » ơi ! Em đã mắc mồi, không chừng em lại còn đồng lõa với việc « bán Phật » cũng nhá »

Bi bụm miệng tôi lại, lìa lìa :

— « Em hiểu, em hiểu rồi. Bây giờ em phải làm gì ? Vâng, em phải thực hiện một công tác để chuộc lại sự thiếu suy này...

Sung sướng lộ lên nét mặt, tôi kéo Bi lại gần :

— « Thế là anh có một đồng-mình trung-thành. Bây giờ, chúng ta qua giai đoạn thứ hai của chiến trận, phần em, em sẽ « truyền miệng » cho bạn bè, thân thuộc việc tầy chay này. Anh chắc rằng, đó là Phật-tử, ai lại không hưởng-úng ? Còn anh, anh sẽ nhờ tờ báo Liên-Hoa truyền đạt lời kêu gọi. Anh sẽ hô-hào :

« Hỡi những bà mẹ hiền,

« Hỡi những người dâu thảo,

« Hỡi những người vợ yêu chồng !

« Hỡi những Phật-tử trung kiên !

« Hằng ngày, chúng ta đối diện trước hình ảnh đấng cha lành để dâng lên lòng chí thành chí kính.

« Hằng ngày, hình ảnh đức Thế-Tôn là sức mạnh đặc dẫn chúng ta qua mọi nẻo đường của dòng đời phiền tạp.

« Hằng ngày, qua cầu kính, qua giáo-pháp, qua cái nhìn hiền-từ của Ngài mà đời bớt đi những đau thương, những sầu khổ, những giết chóc,

những giận hờn. Người với người sống giao hòa, Người với vật coi nhau như anh em, nhân-loại không nhìn nhau như kẻ thù, như địa-ngục.

« Nơi nào có hình ảnh Ngài, nơi đó được sống an-lành. Nơi nào có hình ảnh Ngài, nơi đó không có giai cấp giàu nghèo, sang hèn... Nơi nào có hình ảnh Ngài, nơi ấy ngự trị một đức tin: Tin ở năng lực của chính mình, tin ở giáo-lý của đức Thích - Ca và tin ở sự mạng « Hòa-Bình thật sự » của Phật-giáo.

« Thế mà, hình ảnh Ngài — hình ảnh đức Phật; danh - hiệu của Ngài — danh-hiệu « Phật » đang bị dày xéo, chà đạp. Từ một đấng siêu việt vì nỗi khổ của chúng ta mà ra đời, vì hòa-bình hạnh-phúc của nhân-loại mà truyền giáo, những con buôn đã hạ Ngài xuống làm hình ảnh quảng-cáo, làm mồi câu.

« Hỡi những ai đã từng được tắm gội trong hào-quang của chư Phật, đã từng được hưởng ân huệ của Ngài, chúng ta cần phải có một thái-độ dứt khoát với những sự lợi dụng ấy, chúng ta cần phải xác định lập trường của một Phật-tử đối với những hành-vi bất nhẫn này.

« Thái độ chúng ta thật giản dị:

Không mua, không dùng, không ủng hộ ».

Tràng pháo tay của Bi kéo tôi về thực tại. Đôi mắt long lanh nhìn tôi trứu mến, cảm thông. Tôi thấy yêu Bi hơn bao giờ hết. Yêu Bi ở chỗ « đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu ». Đột nhiên, Bi hỏi tôi:

— « Con số độc giả Liên - Hoa có là bao, thì làm sao phò biến được ý anh ?

— «Ồ chiến-dịch « truyền miệng » là phương-pháp tuyên truyền nhanh chóng và sâu rộng nhất.

Em cứ làm một tính nhân thì biết ngay kết-quả của nó. Đó là chưa kể đến giai đoạn thứ ba của cuộc chiến-dấu. Giai đoạn này hiệu lực hơn hết. Nhờ sự can thiệp của Hội và Giáo-hội. Thật ra, Hội và Giáo-

hội của mình « hiên » quá, nên họ xô chân lỗ mũi. Quý Ngài ở trên quá giàu lòng thương, luôn luôn hy xả nên các nhà buôn mới lộng hành. Thấy mình không nói chi, họ lại càng táo tợn.

— Anh nói, em mới nhớ. Hôm qua, trên chiếc xe quảng cáo, hình vẽ là một ông Phật mập ốm một chai xì dầu. Người ta bu lại thật đông. Và nếu chai xì dầu « lá Bồ-đề » của mình hết thì em « thỉnh » một chai ngay. Thú thật trước hình vẽ ấy, em bị hút lại như sắt bị nam châm kéo đến. Nghĩ mà đại thật ! Anh nói tiếp đi !

— Có khó khăn gì đâu ? Hội và Giáo-hội ra một chỉ thị « cấm dùng » là mấy ngày sau, khắp hang cùng ngõ hẻm, các khuôn hội loan báo cho hội viên biết ngay. Nhanh chóng và hiệu quả thấy liền ».

Bỉ đã bắt đầu nhận thấy kết quả của cuộc chiến tranh « không gây gạc, không day tay bậm miệng » này. Mỗi một Phật-tử chỉ làm tròn phận sự « tiêu cực » của mình cũng đủ thành công.

Mắt Bỉ sáng lên, hỏi tiếp :

— Thế « đối tượng đấu tranh » là ai ?

Tôi ngạc nhiên trước câu hỏi gần như chuyên nghiệp của vợ.

— « Miễn phải kẻ dài giòng. Anh chỉ tóm lại một câu « Tất cả những ai đã lợi dụng danh hiệu Phật, hình ảnh Phật cho đến cả những nhân vật uy tín của Hội, của Giáo-hội trên mọi lãnh vực kinh tế, văn-hóa chính trị. Nói rõ hơn họ dùng Phật để làm giàu. Cả phim ảnh, báo chí dù có đặt dưới Chiêu bài « Phát huy văn nghệ Phật-giáo » cũng thế.



Đông hồ diêm một tiếng. Vợ tôi giật mình nhìn đồng hồ rồi nhìn các món ăn héo hon. Tôi đọc được vẻ bối rối ấy. Tôi cười bảo vợ :

— Một nồi cơm nóng, một chén xì dầu cũng quá đầy đủ để kỷ niệm bữa hôm nay.

Với một cái nguyệt dài, Bỉ xuống bếp. Tôi nhìn theo, sự cười mãn nguyện.

VIII— Chứng loại của ZEN

Linh-Sơn niêm-hoa,
Tung-Sơn đắc tủy,
Hoàng-Mai truyền y,
Đông-Sơn diện thọ (1)

CHÁNH-PHÁP NHÂN-TẠNG DIỆN THỌ

Để hiểu Zen có bao nhiêu thứ, chứng loại của Zen như thế nào, không gì hơn là căn cứ vào thuyết của Ngài Định-Huệ Thuyền-sư. Ngài Định-Huệ Thuyền-sư (780-841) người Trung-Hoang sinh vào khoảng đời Đường, tên thật là Khuê-Phong Tôn-Mật. Ngài trước-tác được 33 bộ sách, trong đó có bộ «Thuyền Nguyên chư thuyền tập». Theo bộ sách này thì Thuyền có chia thành 5 loại: Ngoại-đạo thuyền, Phạm-phu thuyền, Tiểu-thừa thuyền, Đại-thừa thuyền và Tối-thượng-thừa thuyền. Ý-nghĩa sai biệt của 5 loại Thuyền ấy như thế nào, thiết nghĩ cần giải-thích ra đây để chúng ta cùng hiểu và chọn một trong 5 thứ ấy làm phương-pháp tu hành để đi đến chỗ chứng-ngộ hoàn-toàn cứu-kinh.

1. — *Ngoại-đạo thuyền*: Ngoại-đạo thuyền tức là phương-pháp tu thuyền của ngoại-đạo, không có quan-hệ gì với Phật-giáo. Mục-dịch tu hành của phái ngoại-đạo là cầu sanh lên các cõi trời sau khi chết. Phương-pháp tu hành của Bà-la-môn giáo (Brāhmaṇa) cách thức tu luyện của ông Āra Kālāma,

(1) Niêm hoa ở núi Linh-sơn, ngộ-đạo ở chốn Tung-sơn; truyền-trao y bát ở đất Hoàng-Mai, trực tiếp diện-thọ ở núi Đông-sơn. Đây là bài kệ diễn tả về ý-nghĩa: Zen là một pháp-môn chính thống, do Phật-tổ tương-thừa từ đời này qua đời khác, nhất vị tương-tục, không bao giờ gián đoạn.

Ông Uddaka Ràmaputta (2) pháp thuyền-định của phái Du-già (Yoga) trong 6 phái triết-học của Ấn-Độ v.v... đều thuộc về loại Ngoại-đạo thuyền này. Phương-pháp tu hành của Ngoại-đạo tuy nhiều, nhưng chúng ta có thể nói một cách vắn tắt là: về mục-đích thì nhằm đến phần tự-lợi, lý-tưởng thì cầu sanh thiên, phương-pháp tư-duy thì theo lối phân-tích tinh-thần và thể-chất là biệt-thể, hay nói một cách khác là theo với lẽ lối quán-sát tâm vật nhị nguyên. Còn về quả chứng hiện-tiền thì cầu được thần-thông tự-tại và cũng thường đề cao chủ-trương Ngã (atman) là vĩnh-viễn bất-biến. Đức Thích-Tôn đã bất mãn với lối tu hành, cùng thuyết lý, mục-đích của các phái ngoại-đạo này, nên ngài đã rời bỏ họ và chọn một phương-pháp tu hành khác.

2. — *Phàm-phu-thuyền*: Phàm-phu-thuyền tức là lối tu thuyền của người trần-tục, của thế-gian kể cả tứ-thuyền của Sắc-giới, tứ-định của Vô-sắc-giới v.v.. Những người tu hành theo phàm-phu thuyền, mặc dù cũng có người tin theo thuyết duyên-khởi của Phật-giáo, quan-niệm thế-gian là khổ, và cầu thoát-ly ra khỏi cuộc đời mộng huyễn hư-ảo, nhưng vì còn có tâm cầu xa-lìa cảnh giới khổ, an-nhập vào cảnh-giới vui, do quan-niệm thủ-xả, do ý-tưởng phân biệt khổ vui này, nên thân tâm không được bình-tĩnh và không thể trú nhập vào cảnh giới chánh-định. Cũng do đó nên gọi là phàm-phu thuyền.

3. — *Tiền - Thừa - thuyền*: Tiền - thừa thuyền tức là phương-pháp tu hành của các hàng Tiền-thừa Phật-giáo. Mục-đích của Tiền-thừa Phật-giáo là đưa người đến chỗ giác-ngộ giải-thoát, nhưng bao giờ cũng thiên-trọng về phần tự-lợi tự-giác hơn là giác-tha lợi-tha. Phương-pháp tu-thuyền của Tiền-thừa là xả trừ các quan niệm khổ vui, hân yếm, thủ xả và cầu chứng nhập vào cảnh giới Niết-Bàn vô ngã. Quả vị của Tiền-thừa là tùy theo công hạnh

2) Đây là 2 vị Tiên-nhơn danh tiếng, tu hành trong núi ở cảnh thành Vương-xá mà đức Thích-Tôn đã đến cầu đạo, tu tập theo một thời gian sau khi Ngài xuất-gia tu-hành.

tu-hành mà được các quả vị như Tu-dà-hoàn, Tư-dà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán v.v... Còn chỗ chứng đắc của Tiểu-thừa là ngộ nhập vào đạo-lý Nhơn-vô-ngã (chủ quan thế-giới), nhưng quan niệm pháp-chấp (khách quan thế-giới) thì vẫn chưa trừ-diệt được, nên chưa thật là chỗ chứng-ngộ cứu kinh. Nói một cách khác, Thuyền của Tiểu-thừa Phật-giáo là Thuyền «nhơn không pháp hữu», chứ không phải là Thuyền «nhơn pháp nhị không», vì thế nó chỉ là Thuyền phiến-diện, Thuyền phương-tiện mà thôi.

Hơn nữa, từ xưa đến nay trong các phương-pháp tu-hành của Tiểu-thừa Phật-giáo, người ta thường xây-dựng trên bản vị cá-nhân, đặt trên quan niệm tiếm-thứ tu-chứng và cũng thường áp dụng theo những lối tu-hành bảo-thủ, cố định v.v... Do quan niệm chấp hữu này, nên hầu hết các kinh luận của Tiểu-thừa đều trình bày những luận chứng: Tam thế thật thể, vạn pháp hằng hữu, và cũng có kinh-luận muốn thuyết minh không nghĩa, nên đã phân tích vạn hữu thành 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, 75 pháp v.v... Do những luận chứng và những phân tích phiến toái này nên Tiểu-thừa Phật-giáo thường bị người đời xem là một thứ tôn-giáo để dành riêng cho một hạng người chuyên môn như các vị Tỷ-kheo, Sa-môn và xa hẳn với cuộc đời thực tế, không hợp với căn cơ của đại đa số quần chúng; và cũng có một hạng người khác quan niệm: Tiểu-thừa Phật-giáo là một tôn-giáo chuộng về hình thức, chú trọng ở luân lý, văn tự v.v... Ngoài ra, phương-pháp tu hành của Tiểu-thừa cũng thường chú trọng rất nhiều về khoảng mục và thứ bậc như Tứ thuyền, Tứ định, Tam giới, Tứ quả v.v... Tuy vậy, Tiểu-thừa Phật-giáo cũng đã góp một phần rất quan trọng trong lịch sử truyền bá của Phật giáo cho đến ngày nay.

Phương-pháp tu hành của Tiểu-thừa Phật-giáo thường lấy pháp ngũ-đỉnh tâm quán và Tứ niệm-xứ quán làm căn bản. Ngũ đỉnh tâm quán tức là 5 pháp quán để định chỉ

sự rối loạn vọng tưởng của tự tâm 5 pháp ấy là: 1) *Bất tịnh quán* để đoạn trừ tâm tham dục chấp trước. 2) *Từ bi quán* để dẹp nên tâm sân hận oán hận. 3) *Nhân duyên quán* (cũng gọi là niệm Phật quán) để phá bỏ tâm vọng chấp thật ngã. 5) *Sở tức quán* để đình chỉ tâm tán loạn buông lung. 5 pháp quán này là những cách thức tu-tập thiền quán của Tiểu-thừa Phật-giáo.

Bên cạnh Ngũ-dinh tâm quán là pháp Tứ-niệm-xứ quán, Tứ-niệm-xứ quán tức là 4 phương-pháp hoặc là 4 chỗ quán sát để cho tâm niệm được an trú vào một cảnh. 4 pháp ấy là 1) *Thân niệm xứ* nghĩa là quán sát thân là bất-tĩnh, là nguồn gốc của tội ác, là nhân duyên giả hợp mà thành, chứ không phải là thật thể trường tồn. 2) *Thọ niệm xứ* nghĩa là quán sát các sự lãnh thọ, các xúc giác cảm tính đều là khổ. 3) *Tâm niệm xứ* nghĩa là quán sát tâm là vô thường biến động, sát na sanh diệt không ngừng. 4) *Pháp niệm xứ* nghĩa là quán sát tất cả vạn pháp đều là duyên khởi vô ngã. 4 pháp này cũng là những phương-pháp thiền quán sai biệt của Tiểu-thừa Phật-giáo. Đại diện của Tiểu-thừa Phật-giáo ở thời xưa là Trưởng lão phái (thera — Vāda) (3) và thời nay là các nước Nam-phương Phật-giáo như Tích-Lan, Diến-Điện, Thái-Lan v.v...

4. — *Đại-thừa-thiền*: Đại-thừa thiền tức là lối tu hành quán sát về đạo-lý như pháp nhị không, thể nhập chân-lý nên nhớ rằng: Đại-thừa cũng nói không, nhưng cái

(3) Ngày xưa, Phật-giáo thường có chia làm 2 phái là Trưởng-lão phái và Canh-tân phái, cũng có khi gọi là Thượng-Tọa bộ và Đại Chúng bộ. Trưởng-lão phái là phái kỳ cựu bảo thủ, Canh-tân phái là phái chủ trương tiến bộ. Có nhiều học giả đã nói, Trưởng lão phái và Canh-tân phái thời xưa là nguyên nhân đưa đến 2 nền Phật-giáo 2 với hệ thống tổ chức khác nhau là Đại-thừa và Tiểu-thừa, hoặc là Nam-phương Phật-giáo và Bắc-phương Phật-giáo ngày nay.

không của Đại-thừa không phải là cái thiên-không của phạm phu Nhị-thừa, mà là cái chơn-không nguyên lý của sự vật. Trong cái chơn-không ấy gồm cả nghĩa diệu-hữu; đó là tinh ba triết-lý của Đại-thừa. Lập trường của Đại-thừa Phật-giáo là chú trọng ở chỗ tự-do hoạt động trong phương diện cứu mình giúp người. Dựa vào lập trường ấy, Đại-thừa không chủ trương chấp trước vào một cái gì cả, dù là quả vị chứng ngộ, do đó nên họ có thể từ trên quả vị Phật-đà nghiêng mình xuống để hạ hóa chúng-sanh. Cũng vì vậy nên Đại-thừa không bị hiểu lầm là một tôn-giáo rời xa cuộc đời, trái lại, nó là một tôn-giáo nằm trong cuộc đời để giáo hóa nhân sanh, cải tiến xã-hội. Nói một cách khác, tự lợi lợi tha là nhân cách của người tu hạnh Đại-thừa, tự giác giác-tha là lý tưởng, cũng là tinh thần căn bản của Đại-thừa Phật-giáo.

Chúng ta nên nhớ rằng: Tam tạng kinh điển của Đại-thừa Phật-giáo không những là một kho tàng văn học vô giá của loài người, mà nó còn là những sử sách ghi rõ cuộc đời tu chứng thể nghiệm của Phật-đà, và diễn tả chân lý vô cùng huyền diệu của vạn pháp nữa. Ngoài ra, trong các kinh điển ấy cũng thường thuyết minh các lối tu tập thuyền-định của Đại-thừa như pháp Đẳng-tri-vương tam-muội của kinh Bát-nhã, Vô-lượng-nghĩa-xứ tam-muội của kinh Pháp-hoa, Hải-ấn tam-muội của kinh Hoa-nghiêm, Bất-động tam-muội của kinh Niết-Bàn v.v... Hầu hết các kinh điển và các pháp thuyền-quán của Đại-thừa đều là do đức Phật nói ra, hoặc bằng nhập-định thuyết pháp hoặc bằng xuất định thuyết pháp.

Dựa vào chân-ý của các kinh điển này, phương-pháp tu thuyền của Đại-thừa không chấp trước vào những khoảng mục và thứ bậc tiệm tiến như Tiểu-thừa, trái lại, chỉ chú trọng ở chỗ nhất pháp thấu triệt, tam giới duy tâm, tức

thể đặc đạo mà thôi. Đại-thừa thuyết trước khi tổ chức thành một tôn phái ở Trung-Hoa, nó đã có những phương pháp tu hành đặc biệt ứng hợp với căn tánh của Đại-thừa như pháp Bát-bất trung-đạo-quán của Tam-luận-tôn, Tam-đế viên-dung quán của Thiên-thai-tôn, rồi đến Sự - sự vô-ngại pháp-giới quán của Hoa-nghiêm-tôn v.v...

Bát bất trung-đạo quán của Tam-luận-tôn tức là chỉ cho 8 món : bất sanh, bất diệt, bất đoạn, bất thường, bất nhất, bất dị, bất lai và bất khứ. Tam-luận-tôn sử dụng lý tri đề quan sát 8 món « bất » này là đề đoạn trừ quan-niệm đối đãi, ngộ nhập vào đạo-lý Trung-đạo viên-dung này. Còn thuyết Tam-đế của Thiên-thai-tôn là chỉ cho Không-đế, Giả-đế và Trung-đế. Không-đế là chỉ cho chân-lý do đoạn trừ quan niệm tương đối chấp hữu mà có. Câu « Nhất thể giai không ; Nhất không tức nhất thể không » là chỉ cho ý-nghĩa này. Giả-đế tức là chỉ cho chân-lý duyên-khỉ, nghĩa là vạn-pháp tuy không phải cố-dịnh thật-hữu, nhưng cũng phải là không-vô, vì hiện tại các pháp là do nhân-duyên hòa-hiệp mà sanh-khởi tồn tại. Câu « Nhất giả tức nhất thể giả » chỉ cho ý này. Trung-đế là chỉ cho chân-lý trung-đạo, vượt ra ngoài quan niệm đối đãi Không và Giả. Nói một cách khác, Trung-đế là chủ-trương trong Không mà có Giả, trong Giả mà có Trung. Ngoài Không không có Giả, ngoài Giả không có Không ; đó là thuyết-lý tương-tức của Trung-đế. Câu « nhất trung tức nhất thể trung » là chỉ cho ý-nghĩa này, Chúng ta nên nhớ rằng : Tam-đế là Không, Giả và Trung này thường tương-tức tương-dung với nhau, hòa-hiệp với nhau trong một bản thể chân-lý đại-dồng, vì thế trong kinh-luận thường gọi là Viên-dung Tam-đế.

Ngoài thuyết Bát-bất trung-đạo và Tam-đế Viên-dung trên, trong kinh-điển Đại-thừa Phật-giáo còn có một thuyết đặc-biệt khác, đó là thuyết Sự-sự vô-ngại pháp-giới quán của Hoa-nghiêm tôn, Sự-sự vô-ngại pháp-giới-quán tức là chỉ

cho đạo-lý. Một tức tất cả, tất cả tức một. Vạn sự vạn vật trong thế-gian này, tuy thiên sai vạn biệt, lưu động biến-chuyển thành vô-lượng hình-thức tánh-chất khác nhau, nhưng tất cả đều hòa-hiệp với nhau như nước với sữa trong bản-thể viên-dung vô-ngại. Dùng trí tưởng mà quán-sát như vậy, gọi là Sự-sự vô-ngại pháp-giới quán.

Các phương-pháp tu hành quán-sát của Đại-thừa trên, nếu so sánh thì cao hơn phương-pháp tu hành quán-sát của Tiểu-thừa nhiều, nhưng vì Đại-thừa là một giáo-phái thường y vào Văn-tự và phán-giáo nên cũng thường bị các hình-thức ấy ràng buộc chướng-ngại trong lúc thuyết-quán. Vả lại, những hình-thức văn-tự và phán-giáo này đôi khi cũng đưa đến những biến-chất xa với tinh-thần truyền-thống của Phật-tổ. Tuy nhiên, Đại-thừa-thuyết vẫn là một thứ thuyết-quán cao tốt, có công-dụng lớn trong mục-đích tự-độ độ-tha, nên cũng có khi gọi là Bồ-tát-thuyết.

5. — *Tối-thượng-thừa thuyết*: Theo quan-niệm của phái Zen ở Nhật thì chỉ có Thuyết của Ngài Đạt-Ma tổ-sư mới gọi là Tối-thượng-thừa thuyết. Thuyết của Ngài Đạt-Ma là chủ-trương bản-tánh thanh-tịnh-tâm từ vô-thỉ đến vô-chung vẫn là một, không thay đổi mà cũng không bị phiền-não làm cấu-uế ô-nhiễm. Bản-tánh ấy luôn luôn tỏa sáng những tia trí-huệ vô-ngại. Bản-tánh ấy tức là bản-lai diện-mục của mọi loài chúng sanh, là tự-tâm và cũng là Phật. Nói một cách khác, Thuyết của Ngài Đạt-Đa là thứ Thuyết thuyết-minh đạo-lý. Tâm Phật tương-tức, định huệ tương-dung. Trong tự-tánh gồm đủ cả tâm và Phật, cả định và huệ. Tu thuyết chỉ là một phương-pháp làm cho kẻ hành-giả thực-chứng thể-nghiệm vào tự-tánh thanh-tịnh-tâm ấy mà thôi

Các tôn-phái khác trong Phật-giáo cũng thường đề cao thuyết tinh-thần truyền-thống của Phật-tổ, nhưng phái Zen lại

càng đặc-biệt chú-trọng ở tinh-thần truyền-thống này hơn, vì phái Zen không có sự truyền-thừa bằng kinh-luận vậy. Tinh-thần truyền-thống của Zen là thiên-trọng về sự « sư tư tương thừa ». Câu chuyện « Niêm hoa vi tiếu » giữa đức Phật và Ngài Ca-Diếp là một lối truyền-thừa vi-diệu trong ý-nghĩa sư tư tương-thừa này. Phương-pháp sư-tư tương-thừa này được áp-dụng trong phái Zen từ thời đức Phật còn tại thế, cho đến đời 28 là Ngài Đạt-Ma tổ-sư, rồi đến Ngài Lục-tổ Huệ-năng v.v... Nhờ phương-pháp sư tư tương thừa này nên mãi cho đến bây giờ, phái Zen vẫn giữ được tinh chất truyền-thống của Phật-tổ từ nghìn xưa. Đó là một đặc trưng của phái Zen, nhất là phái Zen chính thống do Ngài Lục-tổ Huệ-Năng truyền trao vậy.

Căn cứ vào lịch sử của phái Zen chúng ta thấy: Phái Zen được truyền đến Trung-Hoa ở đời Đường (618 — 907) và từ đó vì dễ phổ trương và phổ-biến tinh-chất truyền-thống, phái Zen tổ-chức thành một tôn-phái biệt lập với các tôn-phái khác trong Phật-giáo, nhưng không phải vì thế mà mất tinh-chất truyền-thống của nó. Chúng ta có thể nói: Phái Zen ở Trung-Hoa là bắt đầu từ Đức Thích-Tôn, Ngài Ca-Diếp, các vị tổ-sư như Ngài Thế-Hữu, Ngài Hiệp-Tôn-Giả, Ngài Mã-Minh, Long-Thọ, Thế-Thân, rồi đến Ngài Đạt-Ma đem Zen truyền đến Trung-Hoa. Trong lịch-sử truyền thừa của phái Zen, mặc dù đến đời thứ 28 tức-là đời Ngài Đạt-Ma, phái Zen có chia làm 2 hệ-thống, nhưng phái Zen chính-thống và được lưu-truyền ở Trung-Hoa và Nhật-Bản cho đến ngày nay là phái Zen của Ngài Đạt-Ma theo hệ-thống lịch sử của các bộ sách: Bảo-lâm truyện, Tổ-đường tập, Cảnh-đức-truyền-dăng-lục v.v...

Tóm lại, Tối-thượng-thừa truyền là một thứ Truyền do Phật-tổ tương truyền; từ đời đức Thích-Tôn đến đời Ngài Đạt-Ma, rồi từ đời Ngài Đạt-Ma đến đời Ngài Lục-tổ Huệ-Năng

và cho đến cả bây giờ nữa, phái Zen bao giờ cũng giữ được một tánh-chất duy-nhất, tánh chất ấy là tánh-chất su-tư tương-thừa, dĩ tâm ấn tâm vậy. Ở đây cần nhắc lại một lần nữa: Tối-thượng-thừa thuyền thường đề cao thuyết-lý trong tự-tánh thanh-tịnh tâm, tức tâm là Phật, tâm Phật bình-dẳng nhất-như không có gì sai biệt. Phương-pháp của Tối-thượng-thừa thuyền là đốn-ngộ diệu-tu, trực-chỉ nhơn-tâm, kiến tánh thành Phật, vì thế không cần phải trải qua nhiều quả vị tu chứng như các thứ Thuyền khác, hoặc các tôn-phái khác trong Phật-giáo. Còn chủ-trương của Tối-thượng-thừa là áp-dụng theo phương-cách: «*su được tư cường*» nghĩa là chú trọng đào-tạo những người đệ-tử cao vượt hơn tổ-sư. Theo quan-niệm của phái Zen thì có cao vượt hơn tổ-sư mới thể đền trả được ân-giáo hóa truyền thọ của Tổ-sư. Đây cũng một đặc-trưng của phái Zen nữa.

Như trên, chúng ta đã lần lượt tìm hiểu ý - nghĩa của 5 thứ Thuyền: Ngoại đạo thuyền, Phạm phu thuyền, Tiểu-thừa thuyền, Đại thừa thuyền và Tối thượng thừa thuyền. Đồng thời chúng ta cũng đã phân-biệt được các thứ Thuyền ấy qua các phương-diện tà chánh, chơn nguỵ, phiến-diện hoàn toàn, phương tiện, cứu kính v.v... Trong Phật - giáo không chú trọng ở phần lý-thuyết, mà chỉ chú trọng ở chỗ thật hành. Vì có thật-hành mới có thể đưa đến những kết-quả thiết thật. Vậy sau khi đã hiểu qua 5 thứ Thuyền ấy rồi, tất nhiên chúng ta cần phải chọn một trong 5 thứ ấy làm phương-tiện tu-hành để tiến đến những quả vị giải-thoát giác-ngộ hoàn - toàn. Riêng về ở Nhật - Bản thì phái Zen do Ngài Đạt-Ma tổ-sư, rồi đến Ngài Lục-tổ Huệ-Năng truyền thừa, tức là Tối-thượng-thừa được thực - hành và phổ-biến nhiều nhất.

THÍCH-THIÊN-ÂN.

(Kỳ sau : Zen của Ngài Đạt-Ma)

Trăng giữa mùa

Đã mấy mùa thu đón gió trăng
Không-gian hồ-hải, mộng hoa đăng
Bao đêm ngồi nhớ ngoài vô tận
Quá-khứ buồn như khoáng đất bằng



Kiếp sống đeo hoài theo xác thân
Đường đi muôn lối: rộng xa gần
Tình đời đen bạc dòn tâm sự
Nhạc Đạo Tử-bi dịu tiếng ngân.



Thức tỉnh: chuông khuya, trăng giữa mùa
Đạo màu lảng sạch chuyện hơn thua
Ở đây, trăng sáng nhiều không ngọt
Lòng đẹp về quanh những mái chùa



Thế-giới thương yêu rộn ánh vàng
Đây mùa thu đến gió thu sang
Tâm linh rộn ngợp tình mây nước
Hạt bụi cần chi sự hợp tan?



Mây vầng không-gian tự thuở nào
Vườn đời hoa bướm rộn chiêm bao
Hằng sa số kiếp đầu vô nghĩa
Vũ-trụ chưa hề giải nghĩa sao?

HUYỀN-KHÔNG

Niềm tin

CHUYỆN NGẮN CỦA HƯƠNG - NGHIỆM

MỘT buổi tối, đến giờ cơm ba má gọi mãi không nghe bé Tuệ thưa. Ba bảo má : — Dung vào phòng học xem nó đang làm gì, hay lại say vẽ rồi.

Dung len lén bước vào phòng và đứng dừng trờu mển nhìn chiếc đầu nhỏ xinh xinh tóc hót gọn đang xây lưng về phía Dung. Bé Tuệ đứng im lìm, bất động, mắt dán chặt trên tấm hình vừa vẽ xong. Những lúc ấy, dầu sét đánh bên tai em cũng không hay biết. Dung đã quá quen thuộc với cảnh đang chứng kiến, nhưng lòng nàng không khỏi rộn lên một mối kiêu hãnh bàng quơ mỗi khi nhìn thiên tài của con sớm bộc lộ. Dung áu yếm tiến lại bên con, nhưng bỗng nàng ngạc nhiên kêu lên :

— Ồ, lay Phật! — Con ngoan lắm.

Bé Tuệ ngược mắt nhìn mẹ, mỉm cười sung sướng. Dung nhìn lại họa phẩm của con : bức vẽ Bồ-tát Quán-Thế-Âm, nét còn non nhưng không kém mềm mại.

— Con làm bàn thờ Phật, má à.

Ừ, nhưng sao Tuệ không xin má thỉnh cho một tấm ảnh lớn, hả con?

— Không, hãy để cho con thờ bức ảnh chính nó vẽ, Dung à. — Hòa vội cắt tiếng, vì chàng cũng đã đi vào — vừa chiêm ngưỡng tượng vẽ, lòng sinh niềm tôn kính.

— Nay Dung nhìn xem, tấm hình con vẽ linh động bội phần. Nó đã trút tất cả tâm hồn trong sạch thành kính để tạo nên bức tượng đó, em thấy không?

Dung lại ngẫm nghĩa tượng : đôi mắt từ-bi đáng mặt dịu hiền, bàn tay mềm xinh đẹp đang cầm cành dương nhưng vào bình ngọc đựng nước cam-lồ... Tất cả là tác phẩm của một cậu bé không hơn 10 tuổi.

Bé Tuệ đã trang hoàng xong chiếc bàn thờ ti hơn của em. Trên đỉnh tủ sách nhỏ kê bên bàn học, Tuệ đặt bức hình và một bình hoa, khăn trải bàn thờ là một vuông vải thiều đỏ của Thu, chị Tuệ. Tuệ ngẫm một mình mãi cũng buồn, nên gọi Phương vào khoe và luôn dịp đề ra oai :

— *Phương!* Từ rày tao thờ Phật ở đây, mày đi ngang phải bỏ dép và cúi đầu, nghe chưa?

Phương tò mò ngắm bàn Phật của anh có vẻ thích ý. Nhưng bản tính của nó là muốn làm trái lời Tuệ nên đáp liền:

— Không.

Tức thì, Tuệ tai cho Phương một tát. Phương khóc rỏ lên.

Nãy giờ ngồi đan áo, Dung vẫn không bỏ sót một hành động nào của hai đứa bé. Nàng đồng dạ gọi:

— *Phương!* Im ngay! Con hỗn láo với anh, anh đánh phải lắm, mà không bênh dáu. Anh bảo đi qua bàn Phật phải cúi đầu, con không được cãi, hiểu chưa?

Phương cụt hứng không khóc to như trước nữa. Tuệ nhìn em, ra chiều hối hận khi thấy Phương lúi thủi bỏ vào phòng học. Dung gọi Tuệ lại gần:

— Con muốn bảo em, phải lấy lời ôn tồn dịu ngọt, đừng xưng mày tao với em như vậy.

Tuệ im lặng cúi đầu.

— Con có thương em không?

— Dạ có.

— Thế thì từ rày đừng đánh em nữa nhé. Con dùng lời

ngọt ngào dỗ dành em, tự nhiên nó sẽ nghe lời con ngay.

Thấy Tuệ vẫn cúi đầu rơm rớm nước mắt, Dung thương hại vuốt tóc con:

— Con của mà đã biết thờ Phật, ngoan lắm. Đừc Phật sẽ phù hộ con.

— Mà! Nhưng đừc Phật có phạt con không?

— Không! Con đã ăn năn, con biết thương em, Ngài không phạt con đâu.

— Thế thì Ngài phạt những ai, hở má?

— Ngài không phạt ai, Ngài chỉ trừ khổ thôi con à. Ngài chỉ có một tình thương không bỏ bến mà không hề trừng phạt.

— Thế những người khổ bị ai phạt, hở má?

— Những người ấy khổ chỉ vì chính họ. Họ đã làm ác nên phải gặp điều dữ đến với họ.

— Thế Phật có cứu họ không?

— Có chứ.

— Sao họ vẫn khổ, má?

— Là vì họ không chịu theo lời Ngài dạy: cũng giả như Tuệ bị ốm, mà đưa thuốc nhưng Tuệ không chịu uống thì Tuệ có khỏi bệnh không?

Tuệ ngẫm nghĩ không trả lời. Và đột nhiên em hỏi: nhưng nhiều người bệnh quá thì làm sao?

— Người ta đi tu có thành Phật không, má?

Thành chứ, nhưng phải tu nhiều kiếp.

— Nhưng đức Phật đã có thể cứu vớt tất cả mọi người rồi thì người ta thành Phật thêm làm gì nữa, hử má?

Dung bắt đầu lúng túng, vì có lần nàng đã giảng cho con nghe bài Phật pháp: «Đức Phật có khả năng vô biên để cứu khổ mọi loài», bây giờ Tuệ đặt câu hỏi ấy thật chí lý. Nhưng nàng chưa biết trả lời sao cho con dễ hiểu. Dung cố tìm tòi trong trí nhớ... Phải trong một buổi học giáo lý, Thầy giảng-sư đã dạy: «Năng lực của Phật vô biên, nhưng nghiệp chướng của chúng sanh cũng vô cùng» và lấy ví dụ một thầy thuốc giỏi. Nàng trả lời con:

— Thành Phật để khỏi khổ, con ạ, với lại để cứu vớt được nhiều hơn. Đức Phật có tài năng nhiều lắm, u hưng tham, sân, si, và độc ác của loài người cũng lại rất nhiều, cho nên còn phải có nhiều đức Phật nữa ra đời. Ví như một bác-sĩ có thể chữa tất cả bệnh,

— Thì phải có nhiều bác-sĩ.

— Đúng rồi. Phật cũng thế, có rất nhiều chúng sinh đau khổ, nên cần phải có nhiều đức Phật ra đời để cứu độ, con hiểu chưa?

— Dạ hiểu.

Dung mỉm cười hôn nhẹ lên vùng trán con:

— Giỏi lắm. Bây giờ con ra chơi với em đi, kéo nó buồn.

Tuệ vào phòng học rủ Phương:

— Phương đi «trượt tuyết» với anh không?

— Đi!

Phương gấp cuốn sách hình xanh đỏ lại và đi theo Tuệ. Cả hai anh em cùng quên băng cái tát tai ban này.

Chỗ «trượt tuyết» là một đồi thông thoai thoải. Lá thông khô rụng đọng một lớp dày trên sườn đồi. Lũ trẻ thường ngồi phịch trên ấy, để mình trượt theo lớp lá xuống tận chân đồi, nơi đây chúng nằm lăn ra trên chiếc nệm cũng bằng lá thông khô. Những tiếng reo vang dội, át cả tiếng gió

rit trong rừng thông. Hai anh em Phương cũng dẫn nhau lên đồi, nháp bộn với lũ trẻ quanh vùng để «trượt tuyết» chán trò chơi này, chúng lại hái lá thông tươi bày cho nhau đan chiếu. Nhưng Phương thường bỏ dở trò chơi để khóc và đòi anh đem về má, thế là Tuệ phải chiều em mặc dù trò chơi đang hưng thú. Tuệ rất thương em. Những lúc Phương phải đòn đau vì hay vòi vĩnh, Tuệ vào phòng ngủ sắp mặt vào gối khóc cho đến khi em được tha mới thôi. Phương thì trái lại, mỗi lúc anh phải đòn nó chỉ nằm sắp lưng trên ghế trở mặt nhìn. Thấy thế Hòa thường bảo vợ:

— Con Phương xem thế mà không có đực bằng anh nó.



Nâng bàn mai chạy ràng ràng trên bờ cỏ bên kia hồ, xa hơn nữa, những lưng ngựa nhấp nhô khi ẩn khi hiện trên những ngọn đồi trùng điệp. Trên vườn su cạnh hồ, hai anh em Tuệ và Phương đã ngồi sẵn từ sáng sớm, khi Đà-lạt còn vùi mình trong lớp mù dày đặc, khi những chú ngựa ăn cỏ chỉ là những khối đen cử động mà anh em

Phương không thể đoán được là vật gì.

Vườn của Tuệ là một mảnh đất nhỏ hẹp chỉ có một giàn su và ít cây dâu tây, do anh em Tuệ chăm bón. Chúng rất yếu cây. Không sáng nào là Tuệ, Phương vắng bóng trong khoảnh đất.

Sáng nay cũng như mọi khi, Phương xách chiếc gàu con xuống hồ múc nước tưới. Bỗng Phương reo lên:

— Anh Tuệ ơi! Một con chim! Con chim bị té này!

Tuệ chạy xuống xem, trên cành thông, một con chim non đang tập bay chập chững. Lượn xuống là là mặt nước rồi lại gượng bay lên. Tuệ bảo em:

— Không té đâu. Nó tập bay đấy.

Nhưng đột nhiên, có lẽ vì thấy động, chim vụt bay một thời dài rồi rơi tòm xuống nước ở đằng xa, phía trên đồi thông. Anh em Phương chạy lại nhưng đã quá muộn. Một lũ trẻ đang vây quanh và vớt chim lên, Tuệ lo ngại cho số phận chim trong tay chúng. Chúng không bao giờ trả lại tự-do cho bất cứ một con vật nhỏ nào và chỉ bằng lòng

kết thúc cuộc chơi với sự giết chóc hoặc vô tình, hoặc cố ý. Nghĩ thế nên Tuệ đã quyết định giành lại chim cho bằng được để phóng thích. Tuệ đề nghị với thằng bé đã bắt được chim.

— Tuyết này, mày về nhà tao, tao cho mày xem đồ chơi của tao nhiều lắm cơ, và nhiều tranh ảnh nữa. Mày thích bức nào, tao sẽ đổi cho mày lấy con chim, chịu không?

Tuyết nghe rằng cười, gật đầu. Nó là một đứa bé chăn bò khôn khéo. Toàn thân nó đen lóng, chỉ có hàm răng là xứng hợp với cái tên của nó. Những lúc chơi trốn tìm trong trường học, bọn trẻ đi bắt thường đã phải hoảng sợ hét lớn mỗi khi gặp bộ răng trắng toát của nó nhe ra, nổi bật trong xó tối.

Lũ trẻ kéo nhau đến xem đồ chơi của Tuệ. Tuệ trình bày bộ máy xe lửa và những thứ mà ba đã mua cho hai anh em.

— Những cái này thì tao không đổi được vì là của ba cho. Nhưng tao có thể đổi những bức vẽ của tao được.

Tuyết ngẫm nghĩa tất cả họa phẩm của Tuệ, nhưng nó

không bằng lòng bức nào, chỉ thích nhìn chiếc xe hỏa chạy. Tuệ nói:

— Hay là thế này: mày cho tao con chim, tao sẽ vận xe lửa cho mày xem mười lần, lúc nào tao đi học về nhé?

Tuyết có vẻ ưng thuận nhưng còn mặc cả.

— Mười lần thôi:

— Ừ được.



Con chim không còn trong tay Tuệ nữa, nhưng một cảm xúc êm nhẹ vẫn còn vương vấn trong tâm hồn em mỗi lúc em hình dung lại đôi cánh được giải thoát vụt tung ra từ bàn tay bé nhỏ và bay lên đậu trên một cành thông xa tít. Và nhất là mỗi lúc dọn dẹp đường rày và những nhà ga lỉ lợ vào hộp, em không khỏi mỉm cười sung sướng nhớ đến nỗi hoan của lũ trẻ được xem tàu chạy. Trò chơi ấy em đã nhàm chán nhưng bây giờ nhìn sự thích thú của lũ trẻ, Tuệ thấy bộ máy hỏa-xa của em trở nên quý giá. Nó đã đem lại niềm vui cho nhiều người và đã được hữu ích, thay vì nằm im lìm trong xó tủ.

Tối nay sau khi hiểu kỹ các bài học, Tuệ đứng chấp tay chiêm ngưỡng tượng đức Bồ-tát của em. Đôi mắt Ngài trong sáng và linh - động, dường như đang truyền vào tâm hồn em nguồn ánh sáng Tri-huệ và Từ-bi. Em cảm thấy ánh mắt Từ-bi ấy khích lệ em sau mỗi ngày em làm nhiều điều thiện, an ủi vỗ về em mỗi lúc em chán nản hay hối hận vì những lỗi lầm. Hình ảnh đôi mắt ấy để lại một niềm vui nhẹ nhưng bất tuyệt trong tâm hồn em khi em đặt lưng trên chiếc giường nhỏ để mơ những giấc mơ «Phù Đổng Thiên Vương». Em muốn được như một trong những vị anh hùng của lịch sử mà em hằng yêu mến. Em muốn trở nên một cái gì hơn là bé Tuệ bảy giờ. Và em hỏi má:

— Má ơi, đức Bồ-tát có phù hộ cho con thành vĩ nhân chăng?

— Có chứ. Nhưng con có hiểu «vĩ nhân» là thế nào không?

— Là người giết được nhiều giặc như «Phù-Đổng-Thiên-Vương» ấy, phải không má?

Má không bác câu nói của Tuệ, nhưng mỉm cười xa xăm nữa như tự trả lời cho chính mình:

— Là người đem lại nhiều hạnh phúc nhất cho nhân loại, là người giải thoát cho rất nhiều chúng sinh.

— Thế thì đức Phật là một vĩ nhân phải không hở má?

— Phải đấy. Ngài là một vĩ nhân rực rỡ nhất, chói lọi nhất vì Ngài đã và đang giải thoát cho hết thảy mọi loài bằng giáo pháp của Ngài.

— Thế con, con sẽ làm gì má?

— Con hãy gieo tình thương cùng khắp đem lại hạnh phúc và nguồn an ủi cho thật nhiều người, và con sẽ trở thành vĩ nhân như đức Phật.

Tuệ đã thiêm thiếp ngủ. Giấc mộng vĩ nhân đã lắng sâu vào tiềm thức và giờ đây ý muốn cấp bách nhất của em là làm sao gặp được nhiều kẻ khó trên đường đi học ngày mai, để em có thể bố thí những đồng bạc giành dụm được, để tối đến em lại hân hoan chiêm ngưỡng nụ cười đầy khích lệ của đức Phật từ bi.

THƯ GỎI BẠN ★ ★ ★ ★ ★

Của Nguyễn - Thái

Paris, 11-60

Bạn,

Bạn có nêu ra mấy điều thắc mắc của một số đồng :

— Chưa thấu triệt vấn-đề bất-bạo-động.

— Trong khi mọi người hô hào tranh-đấu, mình bất-bạo-động như thế có thiệt thòi và trái với hoàn-cảnh hay không?

— Trong khi các nước Âu-Mỹ người ta sống tranh-đấu, cơ-khí phát-triển mà chúng ta kêu gọi trở về nếp sống đạo-đức như thế có lỗi thời không. Bạn đưa ra thí dụ : võ-lực thường giải-quyết rất mau lẹ, tra khảo, nhà tù, viên đạn có hiệu-lực hơn rất nhiều tác-phong đạo-đức.

Đề giải đáp sự thắc mắc này, thú-thực với bạn, tôi chẳng dám giải đáp đâu, bởi đó là điều mà chúng ta phải giải đáp, không bằng lý-luận mà chính bằng hành-động.

Tuy-nhiên tôi muốn nêu ra mấy ý-kiến góp thêm hầu-phụ-lực với bạn mở-xẻ các vấn-đề trên.

Tôi sẽ dành riêng một thư đến, nói cùng bạn về quá-trình tư-tưởng của phong-trào bất-bạo-động, phát-sinh, áp-dụng và phương-pháp của nó rồi, từ đó chúng ta sẽ suy-nghĩ một đường lối thích-hợp cho chúng ta. Thư này đề cập đến hai điều sau.

Trong lúc mà mọi nơi người ta hô hào tranh-đấu. Tôi xin hỏi tranh-đấu để làm gì? Tranh-đấu để cho ai? Bạn cũng như tôi chắc đã biết câu trả lời đó rồi. Hiện-tình có nhiều chủ-nghĩa, nhiều bè-phái phân-rẽ, đối-địch nhau. Song câu trả lời

quyết chẳng sai nhau một ly: Tranh đấu để có tự-do và hòa-bình, tranh đấu cho nhân dân. Tự-do, hòa-bình vốn chỉ là những ý-niệm đẹp trong đầu óc con người Thoạt đầu, họ dùng nó để chỉ cái đích phải vượt đến, vượt mãi chưa đến được, người ta kêu gào, đọc nó lên thành kinh kệ, khắc ghi nó ở mọi ngã đường, đúc nó thành tượng dựng lên, cho đến ngày nay nói nhảm mãi mà vẫn chưa hợp được ý-niệm đó đưa vào hiện thực. Tự-do, hòa-bình chưa phát lộ ra hình dáng cũng phải, bởi tự-trung nó chỉ là ý-niệm. Còn cái danh từ nhân-dân kia thì thậm khốe vô cùng. Nó chính không phải là danh từ, lại càng không phải là ý-niệm, nó chính là những hình-hài bằng xương bằng thịt, biết cử động, suy-tư. Ấy thế mà nó cứ vẫn bị lũng lợ như một nổi mơ màng nào chẳng định. Tranh đấu cho tự-do, hòa-bình, tranh đấu, cho nhân dân. Xin hỏi nhân-loại đã có hòa bình tự-do chưa? Xin hỏi những người dân chất phát trong thềm cùng làng mạc trên quả đất này — những người dân chiếm đại đa số trong con số thống kê chứ không phải người dân chức tước hay giàu có — những người dân ấy có được hưởng đời sống mà lẽ ra họ có quyền hưởng không?

Người ta cứ bảo tranh đấu cho một lý-tưởng, song kỳ thực phần lớn các lý-tưởng chỉ là những ảo giác hay ý-nghĩ hạn hẹp, ích kỷ được bơm phồng và quảng cáo mà thôi.

Ấy là chưa nói đến phương-pháp tranh đấu đó thể hiện thế nào? Cái lối thiên lối chỉ dẫu đánh đó không còn là một luật-lệ của người văn-minh nữa, đó là luật-lệ của thời man rợ, nô-lệ, của thời kỳ bất chấp đến giá trị con người.

Mà tại sao phải quan-niệm tranh đấu như là một cuộc đấu vật, một cuộc đánh bò hơn là một sự nỗ lực cùng nhau kiến tạo hòa bình? Người mẹ có cần phải lấy đùi gậy, gươm giáo tranh đấu với bụng mình để sinh thành ra một đứa con không? Hay bà chỉ vận dụng sức lực mình chiến thắng đau đớn để sinh hạ một tác-phẩm vẹn toàn?

Giữa chiến trường người lính lấy hết can đảm để hy sinh tính mệnh cho một nghĩa-vụ nào đó. Người ta ca ngợi. Thì tại sao hành động một kẻ bắt-bạo-động cũng để chu toàn một nghĩa-vụ nào đó trên một bình diện khó khăn và cao cả hơn lại không được ca ngợi? Hay ca ngợi chỉ là một cái « mode » của thời đại? Hãy thật tình mà nói: lúc lâm trận người cầm súng nghĩ đến gì? Nếu lúc đó cho họ tự-do thì họ sẽ làm gì? — Họ sẽ chạy ngay về nhà họ chứ chẳng đến một nơi nào khác. Họ chẳng nghĩ gì ráo đến cái lý-tưởng mà người ta tôn hót, dạy bảo họ lâu nay, trong phút nguy nan, anh ta chỉ nghĩ đến mẹ anh, cha anh, hay vợ con anh nếu có và điều anh nghĩ đến nhiều hơn cả chính là sự sống của thân anh. Nếu anh đứng cảm hơn lên và thì hành đúng phận sự, ấy chỉ vì hoàn cảnh hỗn loạn nồng mùi thuốc súng đó đã làm cho não cân anh điên loạn anh nghiêm nhiên biến thành cái máy, anh chẳng thù ghét gì ráo với người anh đang bắn, nhưng anh vẫn cứ lấy cớ; ấy chỉ vì quân luật quá nghiêm khắc, giữa hai sự chết, anh chọn cái chết nào mà trong đó anh còn có một tia hy vọng thoát ra được, vì thế anh tiến lên.

Chỉ cần một tí suy nghĩ để hiểu rằng bắt-bạo-động chẳng phải là sự bó tay thúc thủ một cách cầu an, tiêu cực trước hoàn cảnh khó khăn. Bắt-bạo-động chính là hành-động oanh-liệt của tinh thần chó không phải của thể xác, trí-tuệ chó không phải của thú tính.

Có chi lại bảo trái với hoàn cảnh?

Hay bạn muốn nói chưa có hoàn cảnh?

Bạo-động biểu trưng thời kỳ còn non nớt của trí-tuệ con người mà con người quyết phải vượt qua. Sự non nớt đó phát xuất bởi nhất nhóm về suy tưởng. Ta chỉ việc mua một khẩu súng vất vào xó nhà, rồi thôi. Chẳng cần lo gì cả, cứ ngủ phè ăn uống nhậu nhẹt phủ phê. Có đũa nào qua vườn hái trộm quả hay ăn cắp gà thì xách súng ra nã một phát. Rồi trở vào ăn uống phè phỡn, có lương tâm thì hối hận đôi chút rồi thôi.

Trái lại bất-bạo-động thì nhọc lắm, trí-tuệ phải thông minh, thuyên định. Biết có kẻ bẻ trộm quả thì tự hỏi vì sao có tình trạng ấy. Phải chăng vì mình đủ quả và kẻ khác thiếu? Chẳng mấy chốc phá băng cả hàng rào hay mời kẻ trộm vào nhà chia sớt...

Nhọc lắm! Nhọc lắm!

Nhưng con người muốn tiến hóa hay thoái hóa? Cứ muốn toa rập lên lối sống có tự bấy nay hay muốn tiến mãi lên sự vẹn toàn? Muốn ở mãi tình trạng như tự bấy nay ư? Thì cứ việc đúc thêm súng thêm đạn, chẳng mấy chốc nên rền rơm luyện võ và cứ dần dà như thế cho đến ngày ăn lông ở lỗ như tiên-nhân. Còn muốn tiến hóa ư? Thì không sao thoát khỏi sự phải suy tư tìm một lối sống tôn-trọng lẫn nhau và không phá hoại.

Tôi chẳng hiểu vì sao người ta cứ đem các nước Âu-Mỹ ra làm một đơn vị vẹn toàn để hồ nói đến điều gì là bô bô bảo: các nước Âu-Mỹ người ta thế này thế nọ... trong khi thật tình họ cũng chưa thấy rõ cái mặt thực của xã-hội ấy thế nào cả.

Điều này làm tôi nhớ đến mẩu chuyện của một người bạn học về nông thôn xã-hội học, điều tra một làng nhỏ ở Pháp về kể lại:

Trong một lớp học giáo-lý Thiên Chúa giáo vị cha sở dạy cho học trò tiểu-học về vấn đề ly dị: «Các con phải hiểu, ly-dị là điều giáo-hội cấm. Những cặp vợ chồng đạo-đức không bao giờ ly-dị». Một em bé liến đưa tay nói: — Thế sao cha tôi ly-dị với mẹ tôi? Một em khác: — thế sao cậu tôi cũng ly-dị với vợ tôi? Một em bé khác nữa: — Di tôi cũng thế v.v..

Tình trạng đem Âu-Mỹ làm đối để thực ra có thể hiểu như là một sự ước ao tiến bộ. Sống hằng chục thế kỷ trong áp bức và nghèo nàn chợt một ngày chóa mắt nhìn các lâu đài đồ sộ hiện quanh mình và nao nức muốn có các thức ấy. Giống giống như cảnh một người tù hàng bao nhiêu năm bưng bit ở nhà lao, chợt được thả ra, anh thấy mọi sự đều tốt đẹp, phố xá hàng-

hóa, thứ gì cũng làm cho anh thèm thường v.v... song anh vẫn chưa điều khiển được con mắt anh để có cái nhìn đúng đắn.

Âu-Mỹ có tiền bộ về khoa-học, đó là điều không thể chối cãi, còn Âu-Mỹ đem lại cho dân chúng họ một niềm an-lạc tự tâm tâm hay không còn là một dấu hỏi khá lớn?

Khách quan mà nhìn họ có đủ các thức mà chúng ta chưa có. Lấy một tỷ dụ, người đàn bà ở đây có thể mua một cái máy giặt cho đỡ bồng tay, có thể mua một cái máy vắt cho đỡ bồng tay và muốn thế thì người chồng phải làm thêm một ít giờ phụ, thay vì chỉ làm tám giờ một ngày để có tiền mua máy. Mỗi tháng họ trả một ít, trí não mái hoài lo lắng theo các món nợ, rút từ tiền lương ra trả, bắt họ vào trong cuộc sống bất an. Thấy hàng xóm có món đồ lạ liền náo nức chỉ chỏ với chồng, chồng lại làm thêm giờ phụ. Đầu tắt mặt tối trong cuộc đời máy móc làm não cân họ trở nên căng thẳng do đấy phát xuất ra những bệnh thần kinh hiện ngày càng tăng ở xã-hội Âu-Mỹ. Ở thôn quê, khi có một trại nào mua được máy cày tức thì xô xao cả làng và từ đó có cuộc đua tranh, chắt bóp tiền để mua máy cho bằng thiên hạ trong khi con cái bị lơ làng, Họ sống mái trong một tình trạng chạy đua không có đích, đó là chưa kể những sự phá sản trong tinh thần của tầng lớp trẻ tuổi hay các sự trạng ung độc của xã-hội gây ra vì máy móc. Hãy đến đây vài ngày bạn sẽ thấy cơ khí không lồ đang biến con người thành những cái máy không thua chi kim khí. Có hơn các vật vô tri chẳng thì chỉ hơn ở hai chữ chào nhau gọn lớn lúc gặp nhau, một chữ xin lỗi và biết ăn biết ngủ. Những điều hơn này thật ra máy móc cũng có thể phát kiến ra được. Người Tây-phương rất hạnh diện về tiền bộ cơ khí của họ song chưa hề thấy họ hạnh diện về sự an-lạc hay sự thoải mái của tâm hồn. Họ luôn ở trong một tình trạng kích thích và bất an. Đó không phải là một nhận xét mà chính là một sự thực trải bày trên báo chí của họ hay chính họ tự thú. Cơ khí đã ru họ ngủ trong một giấc ngủ nặng nề, không sao chỗi dậy được, làm cho

họ chỉ còn một ý-thức là ý-thức làm giàu, giàu lên mãi là mạnh, giàu lên mãi chứ không sáng tạo một lẽ sống chi mới mẻ cả. Thâm-khốc thay khi tham vọng của họ chẳng dồn vào phụng-sự tình yêu mà chỉ nuôi nấng cho thành triệu phú. Niềm tham vọng đề phục vụ quả khác xa với niềm tham vọng vì thân ích kỷ.

Mà tại sao có thể hiểu rằng bất-bạo-động hay đạo đức là một thái độ lỗi thời thoái hóa? Nghĩ như thế thực quá ư trẻ nít.

Bất-bạo-động chỉ là một xử sự khôn ngoan trong bước đi tập tễnh của con người chứ không phải là mục-dịch của con người đến đó là dừng. Làm sao lại có thể hiểu sai đề biến chữ bất-bạo-động thành bất hoạt động?

Thế như khi có một người bạn sai lầm ta đợi lúc người giận rồi thủ thủ cùng họ: anh làm như thế không phải cách văn văn... thay vì choảng họ một bạt tai hay mấn họ xối xả. Thế như người chủ xướng chia đồng đều nguồn lợi tức cho mọi người theo giá trị sức lực hay vốn liếng của người thợ thay vì áp bức bóc lột họ. Đó là cách xử sự tôn trọng con người, một xử sự thấm nhuần lòng từ bi quảng đại, đó chính là phương cách bất-bạo-động: không gieo không trồng gió, cũng vì thế mà chẳng gặt bão.

Và nếp sống đạo đức là cái chi? Chẳng phải là điều gì xa xôi huyền bí nó chính là hành động chân chính mà chúng ta thực-hiện trong đời. Bạn không uống thuốc độc mà chỉ ăn những món ăn nuôi dưỡng thân thể lúc đau bạn uống thuốc, tóm lại trong từng phút giây bạn luôn luôn giữ vững sự sống của thân thể bạn. Đó chính là đạo-đức của bạn đối với thân thể của bạn. Vì sao không có sự bảo toàn như thế đối với kẻ khác? Đối với xã-hội? Với tinh thần?

Thân thể chúng ta lại có phần tinh-thần mà chúng ta nuôi dưỡng được bằng các món ăn thuốc bổ phải nuôi dưỡng bằng đạo đức tinh thần. Có những kẻ mạnh, đủ lực nuôi thân thể mình cũng như nuôi tinh thần mình qua ánh sáng chân-lý. Những kẻ có sức mạnh đó rồi mà còn dư dả thì lại giúp những kẻ khác vì hoàn cảnh hoặc có tính không có đủ món ăn cho tinh thần. Do đó mà có những nhà đạo đức.

Đạo đức không bắt mọi người trở thành những nhà đạo đức nhưng cốt giúp cho mọi người đi đúng đường, nhằm tìm ra ánh sáng của tinh-thần. Hướng chỉ cái đạo đức Phật-giáo chỉ cốt ở sự gây cho con người một sức mạnh tinh-thần, ý-thức ở giá-trị bất biến tụ ẩn trong lòng họ để khai thác cho họ biết sự tự-do và giải-thoát.

Làm gì có chuyện ngăn trở tiến hóa!

Vì tác phong của đạo-đức nào phải chối từ hay là toa rập với cuộc sống tác phong của đạo đức chính là rường mối lái cuộc sống đi như yên cương diu con ngựa bắt kham trên đồng lộng.

Đừng nên lấy cái lý lẽ rất ư nông cạn của những kẻ hành tẩn đễ nói: «Nếu mọi người đi tu cả thì còn chi là xã-hội!» Hay thậm chí có kẻ vạch lá tìm sâu để làm vui lòng chủ mớ, ra lời kích bác những chuyện không đâu, vô căn cứ một cách bỉ ổi.

Ngày mà mọi người phát lòng đi tu cả, ấy còn lâu lắm Đừng ngại! Các ngài cứ thử ra hết sức mời mọi người đi tu xem họ có đi tu hết cho không, hay tu có nổi hết không, hướng chỉ ở cái thời mà các ngài đang cố tâm dèm pha, kích bác hay phân rẽ những nghĩa cử xây dựng! Cái hành-động kích bác đạo-đức là một hành-động sai lầm của người thiếu suy xét. Nếu

không là một hành-động đón hèn và ngu muội, cần được truy-triệt tận gốc.

Phải biết tôn trọng và khuyến-khích những người muốn trở thành đạo-đức; và các nhà đạo-đức đồng lúc ra công hỗ-trì đáp ứng nhu-cầu thiết dụng của những kẻ thiếu món ăn tinh-thần.

Đạo đức không phá hủy máy móc, không phá hủy các tiến bộ của nhân loại, bởi đạo-đức chỉ nhằm vào sự đầy mạnh các sức lực kia để phục vụ hạnh-phúc và an-lạc cho con người. Muốn thế phải hành-động chân chính trên lòng từ-bi rộng lớn. Lòng từ-bi không cứ ở bản ngã nhỏ hẹp của mình mà chính là phóng cái bản ngã ấy ra thành quảng đại.

Cái bí quyết của một sự hợp thành tốt đẹp không phải ở sự áp bức bạo lực mà chính ở sự pha hòa vừa độ. Đừng nói đến võ lực có linh hiệu nhanh chóng. Cái linh hiệu đó cứ nằm trong lịch-sử thì biết. Một thứ linh hiệu như liều thuốc phiện làm cho con nghiện mơ màng êm ái, song đồng lúc đưa họ vào bộ xương chết chóc, yếu hèn.

Sự pha hòa vừa độ ư? Thề như trong không gian kia, biết bao nhiều là phần-tử bởi xô đẩy nhau hay quynh lấy nhau biến động trong những đường lối triển miên, chợt có sự pha hòa vừa độ biến thành hạt sương trong đẹp không biết là bao trên cánh hồng nhưng buổi sáng và cũng chỉ cần một cái vẩy tay thô bạo tức thì vẻ đẹp kia tan biến. Đó là tất cả bí quyết của cuộc đời. Đó là định luật đơn thuần mà sâu sắc.

Cái gì còn lại của thời Trịnh Nguyễn xa xôi kia? Quyết không phải là những trận đánh sống động, quyết không phải là các lâu đài sang trọng hay danh vọng cao kỳ của một thượng quan nào? Những điều này nếu còn lại thì chỉ còn ở nơi bảo tàng

viện, nơi một đôi nhà sử học. Cái còn lại chính là cuốn thơ Kiều trên đầu lưới tất cả mọi người, an ủi họ hay ru họ vào những giấc mơ đẹp mơ màng?

Cái gì còn lại ở 3000 năm trước của xã-hội Ấn-độ? Chẳng phải là ba tạng kinh điển học hoài không hết đó sao?

Đạo-đức có chưa đủ, còn phải biết hòa nhập nó vào đại thế, chứ không phải biến thành khuôn ngà thước ngọc, Đạo là thế hiện, Đạo là sự trở thành, là hành-động chân-chính.

Sách Trang-tử, thiên Thiên-vấn có chép một truyền thuyết rất đẹp: Khổng-tử nói với Lão-Đam: « Khâu đây học Lục-kinh, Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân-Thu tự cho là lâu lắm và thuộc hết cả rồi. Lấy đó đi ra mắt 72 vị vua đề bàn về đạo tiên-vương cho sáng cái dấu vết của Chu, Thiệu, nhưng không có vị vua nào dùng cả. Không biết người ta khó thuyết phục hay là đạo khó trình bày cho sáng.» Lão-tử nói: « May nhà người không gặp được vua giỏi đấy. Vì Lục kinh là dấu vết cũ của tiên-vương, há có thể cho tiên-vương như dấu vết? Nay những lời nhà người nói cũng là dấu vết mà thôi. Giày dè lại dấu giày, nhưng dấu giày không phải là giày. Chim bạch nghè nhìn nhau, mắt không chuyển động mà thụ thai, loại trùng con đục đứng rên gió kêu, con cái đứng dưới gió họa theo mà thụ thai. Con loại (1) tự nó là đục và cái nên cũng thụ thai. Tính không thể dời, mệnh không thể biến, thời không thể giữ lại, đạo không thể bề tất. Nếu có đạo thì không có gì mà không làm được». Ba tháng sau, Khổng-tử tìm lại gặp, nói: « Khâu này hiểu được rồi. Con chim ô-thước hôn nhau, cá trún bọt cho nhau, con ong vẽ

1) Loại: Trong sách Sơn-hải kinh chép: Loại là một loài như ly nhưng có lông dài có một lượt bộ phận cái và đục (như là loài đĩa) ở núi Đàm-Viên.

hóa ra con khác, có con em con anh khác. Lâu lắm rồi, Khâu này không cùng hóa với người ta. Đã không cùng hóa với người ta thì làm sao người ta hóa được ? ». Lão-tử nói: « Phải, ông hiểu rồi đấy. »

Tự-giác giác-tha là thế. Thời đại chúng ta không còn là thời đại phán truyền vì là thời đại bình đẳng và chia đều.

Đề chấm dứt tôi muốn nêu lên mấy ý nghĩ nhỏ: Chúng ta không còn có thì giờ nhiều để lêu lổng đâu. Phải bắt tay vào thể hiện ngay. Hãy truyền niềm an-lạc ra cùng khắp mọi nơi chứ không thể dành để đầu cơ cho một tầng lớp nào. Niềm an lạc cho nhân dân, một thứ nhân dân thực sự, chất phát nghèo nàn chứ không phải là nhân dân ma quái lừa trai, truyền cho họ niềm an-lạc tinh thần và thể xác.

Gieo trồng niềm tin đầy ý thức, niềm tin ở sự Giác-Ngộ và Tự Do của con người vào thế-giới. Cứu vãn con người ra khỏi mọi đau độc của những tư tưởng một thời và áp-bức, nhắm đúc chỉ vào đầu óc họ.

Đã đến lúc phải đập bằng cái vị kỷ và biên giới nhỏ nhoi để hướng đến một việc làm kết hợp, nhân từ to rộng cho cả loài người

Chúng ta có nên nắm cái may mắn này không ? Cái may mắn nhất thời để đóng góp công lao đạo-đức và an-lạc với Châu-Á và toàn thế-giới bởi một cuốn truyện Kiêu không chưa đủ !

Trăng lên rồi, đã bao đêm ngồi chờ bạn như chờ sự trở mình trao hương của nụ hoa quỳnh điểm lệ dưới đêm sâu..

NHỮNG NGẢ ĐƯỜNG ★ ★ ★ ★

Chuyện dài xã-hội của Võ Đình Cường

(Tiếp theo)

XII

Sau khi chia tay với Thường ở ngã ba đường, Lực trở về thôn Đồi-Mít vào khoảng 10 giờ đêm. Chàng đi một mình trên đường vắng, hai cái nạn và chiếc chân gỗ thay phiên nhau gõ lộp-cộp lạch cạch trên đường đá. Trong vắng lặng, tiếng lộp-cộp vang dội rất xa. Chàng có cảm-tưởng rằng những tiếng ấy có một đời sống riêng của chúng và từ nay cứ lẻo-đẻo đi sát với đời chàng cho đến khi chàng nhắm mắt. Chúng nó như là những tiếng búa của quan tòa lương tâm, cứ gõ mãi, gõ mãi xuống bàn xử án, đề nhắc nhở những tội trạng to lớn của chàng. Ở nhà thương mấy ngày đầu mới tập đi với cái chân gỗ và hai cái nạn, chàng rất đau khổ, cả vật chất lẫn tinh-thần. Hai cái nạn, cứ sau mỗi lần đỡ lên để chống xuống, thúc mạnh vào hai nách chàng; và nhất là cái chân gỗ, mặc dù đã có miếng da lót, vẫn cứ chà, xát, nghiêng vào lớp da non vừa lip ở chiếc đầu gối bị cưa.

Sau hơn nửa tháng tập đi, chàng thấy bớt đau ở hai nách và đầu gối vì da ở những chỗ ấy đã chai nhưng tiếng gõ lộp-cộp, lạch cạch, thì chàng thấy cần-cái sao ấy, chưa quen được. Chúng như báo hiệu cho mọi người chú ý đến chàng,

mỗi khi chàng đi đâu. Và chàng rất khổ sở vì sự dòm ngó của người chung quanh; có cái nhìn thương hại, có cái nhìn tò mò, có cái nhìn dò hỏi, có cái nhìn mỉa mai, và có cái nhìn như thăm rủa: «đáng kiếp». Chàng sợ cái loại nhìn cuối cùng này nhất, vì thăm đoán rằng những người có cái nhìn này đã biết rõ nguyên nhân vì sao chàng cụt chân, mặc dù hành động đen tối của chàng chỉ có bốn thân binh và Sư Thiện-Ứng biết. Chàng đau khổ ở chỗ đó, ở chỗ quá khứ tội lỗi không thể xóa nhòa được. Nó vẫn vít mãi doanh vây quanh chàng, như những con ruồi nhặng bu quanh một mọt nhọt, xua đuổi thế nào cũng không được.

Nhất là trong đêm khuya thanh vắng này, sau khi gặp Thường và biết được hậu quả của tội lỗi chàng tạo ra mỗi ngày mỗi lở loét, tàn phá cuộc sống của những nạn nhân vô tội, Lực càng nghe rõ điệp khúc «cạch, cộp cạch» của cặp nạn và cái chân gỗ. «Cạch, cộp, cạch», mây giết một bà mẹ vô tội, cắt đứt một tình mẫu tử thâm thiết! «Cạch, cộp, cạch», mây phá hại một đời Thiên-nữ trong trắng gieo không biết bao nhiêu là thăm sâu vào lòng người ta. «Cạch, cộp, cạch»; mây phá tan hạnh phúc, hy vọng trăng trẻ của một thanh-niên! «Cạch, cộp, cạch.»! «Cạch, cộp, cạch» «Cạch cộp, cạch»! Điệp khúc của cặp nạn và cái chân gỗ càng lui càng mau càng vang to, càng hốt hoảng. Lực đi nhanh dần, nhanh dần, như chạy trốn chính những tiếng mình tạo ra. Đầu Lực cúi về phía trước, người chàng cũng chồm về phía trước hai cái nạn không chống kịp và cái chân gỗ cũng không bước theo kịp nên Lực ngã chúi và lăn ra trên đường gói áo quần cũng lăn theo. Lực ngồi dậy, nghe đau rúc ở ngực, ở đầu gối cái chân còn lại; nhưng bỗng chàng nhận

thấy một cái gì khác khác, nhẹ nhẹ trong người một cái gì dễ chịu, à phải rồi! Những tiếng « Cạch, cộp, cạch » không vang lên nữa! Lực ngồi như thế một hồi lâu. Gió đồng khuya làm mát dịu đầu chàng, Lực nghe mình tỉnh táo hơn trước, và cứ muốn ngồi mãi như thế.

Xa xa ở về phía quốc-lộ có nhiều loạt súng nổ, những tia lửa xẹt sáng trên trời. Lực lo sợ chống nạnh đứng dậy xách gói áo quần lên, lần đi. Bây giờ chàng đi rất chậm và gõ rất nhẹ trên đường để điệp khúc « cạch, cộp, cạch » đừng vang xa.

Lực về đến thôn Đồi Mít vào khoảng 1 giờ khuya. Càng gần đến nhà, chàng cố gõ rất nhẹ hai cái nạnh và hai cái chân gỗ. Nhất là lúc đi ngang qua nhà Dung, Lực đi hết sức chậm, hết sức nhẹ, rón rén như đang rình bắt ai. Chàng đẩy cửa ngõ nhà mình, bước vào sân. Bốn bề đều im lặng. Hoang vắng lan khắp mọi nơi. Mũi cỏ rác, mốc meo bốc lên. Chàng dậm lên một đám rơm rạ, tý nữa thì té xuống. Chàng mệt nhẹ bước lên thềm, đẩy cửa nhà trên. Cửa không cài then, mở ra cho chàng vào. Nhà tối đen như vực thẳm. Vài con chuột rít lên, tuồng chạy. Lực không buồn đánh diêm, thắp đèn. Chàng sờ soạn đi dần đến tấm phản kê sát vách trong cùng, ngồi xuống, vắt gói áo quần một bên, tựa hai cái nạnh vào cạnh tấm phản, rút cái chân gỗ ra, xoa xoa vào đầu gối chân cụt, rồi chàng nằm vật xuống phản, hai tay vẫn ôm cái chân cụt, khóc nức nở, tiếng khóc ồ ồ như tiếng nước chảy trong ống xối...



Sáng hôm sau, trong lúc Sư Thiện-Ứng đang ngồi nhấp nước trà trong liêu, Lực lạch cạch lộp cộp đi vào.

Sư hơi ngạc nhiên trước hình dáng khác của Lực, nhưng rồi lại trấn tĩnh được ngay:

— Mò-Phật! Chú Lực đã về đấy à? Hôm nghe chú bị cưa chân, tôi có sai điệu Hạnh vào nhà thương thăm, điệu Hạnh về bảo là chú vẫn mạnh, tôi rất mừng. Bây giờ chú đi vững rồi đấy chứ?

— Thưa đi đã vững, nhưng còn phải nhờ hai cặp nạn này. Bác-sĩ bảo tập đi cho quen ít lâu nữa thì có thể bỏ nạn ra được.

— Chú ngồi xuống đây cho khỏe. Chú ghé thăm nhà rồi chứ?

— Thưa, con về hồi khuya. Thấy cái nhà như cái mộ hoang. Con trần-trọc mãi cho đến sáng, rồi lên đây.

— Chú phải nghỉ ngơi cho lại sức. Đừng suy nghĩ buồn phiền làm gì cho mệt xác. Chẳng qua mỗi người đều có nghiệp nhân, nghiệp quả cả. Luật nhân quả, không ai trốn tránh được. Chú còn sống được là quý.

Lực nói giọng ướt-ướt nước mắt:

— Thưa, sống tàn phế như thế này cũng là sống thừa!... Nhưng con đâu có dám phàn nàn. Con chỉ nghĩ đến những người khác đã mang họa vì con.

Sư ngừng nhấp chén nước trà, nói với vẻ ngậm ngùi

— Ủ, nghĩ cũng tội nghiệp! Thế là tan nát cả... Bây giờ chú định thế nào?

Lực ngập ngừng:

— Thưa,... Con cũng không biết định thế nào cả. Con bây giờ đã ra người tàn tật, còn biết làm gì được? Nhưng khổ một nỗi là, mặc dù đã trở thành người vô-dụng, con

vẫn không làm sao quên được tội lỗi của con. Có nhiều khi con muốn chết cho khỏe, nhưng con lại sợ thế nào cũng bị dọa xuống địa-ngục, lại càng bị hành-hạ khổ sở hơn nữa. Con thấy sống cũng không được, mà chết cũng không được, thật là khổ cho thân con! Con lên đây để mong thầy từ-bi chỉ bảo cho con phải làm gì để đền bù tội lỗi.

Sư có vẻ suy nghĩ, chưa trả lời vội. Sư đưa chén nước trà lên môi nhấp 3, 4 lần trước khi chậm rãi nói:.

— Nếu chú thật tình muốn hối cải, thì cũng có nhiều cách.

Lực cắt ngang câu nói của nhà sư, vội vã hỏi:

— Thưa, con có thể xin xuất-gia được không?

Sư từ tốn trả lời:

— Trong luật nhà Phật, những người tàn tật không được nhận vào hàng Tăng-già, vì Tăng-già là những người thay Phật để truyền bá giáo lý của Ngài, thì phải có đầy đủ uy nghi, thân thể phải toàn vẹn.

Vẻ thất vọng hiện rõ trên nét mặt của Lực; chàng nói như than trách:

— Thế thì con biết làm sao đây? Không có đường nào dành cho con cả! Con tưởng có thể nương nấu ở đây để sớm hôm kính kệ, may ra có rửa được đôi phần tội lỗi; nào ngờ cửa Phật cũng đóng lại, không cho con vào. Hồi hôm qua, con tưởng trở về nhà sẽ ngủ được một giấc ngon lành, sau những ngày sống bơ vơ ở nhà thương. Nào ngờ càng về đến gần nhà, trí não con lại càng bắt con nhớ đến chuyện cũ. Khi nào nằm xuống bộ ván cũ, con đã khóc cho đến sáng. Con thấy như nằm trong một cái mồ hoang

con thấy không thể sống được ở nhà; nên sáng nay con vội vã lên hầu thầy, mong thầy rủ lòng thương cho con tá túc, để sớm hôm kinh kệ cho quên chuyện cũ; nào ngờ thầy cũng không muốn nhận con!

Lục mếu máo khóc như một đứa bé. Sư Thiện Ứng vội cải chính:

— Không, không phải tôi không muốn nhận chú. Tôi chỉ nói theo luật Phật, chú không thể xuất-gia làm Tăng-già được. Chứ còn nếu chú muốn ở đây, thì tôi sẵn sàng để chú ở. Chú không thể làm Tăng-già được, chứ còn nếu chú muốn tu hành thì ai cấm chú được?

Sư đứng lại một phút rồi chậm rãi nói:

Nhưng tu hành cũng không phải chỉ là tụng kinh niệm Phật.

— Nhưng thưa thầy, con tán phế thể này, còn biết làm gì được ngoài sự tụng kinh niệm Phật?

— Khi người ta thật tình muốn hối cải, muốn cải ác tùng thiện, muốn trả nợ đời, thì không làm được việc này, người ta cũng làm được việc khác.

Lục chắp hai tay lại, nói như cầu khẩn:

Con xin nguyện thành tâm hối cải, con xin thể nếu phải cực nhọc, khổ sở bao nhiêu, mà có thể chuộc được lỗi lầm của con, thì cũng không bao giờ con dám chối từ. Thầy hãy dạy bảo cho con phải làm gì thì con xin làm ngay.

Sư mỉm cười khoan khoái:

— Như thế thì hay lắm. Nhưng hiện giờ chú chưa mạnh hẳn. Chú cần phải tĩnh dưỡng đã rồi lại liệu sau.

(Còn nữa)

LỐI CŨ

Năm xưa tôi còn nhỏ
Mẹ tôi dẫn lên chùa
Quy dưới chân Phật-Tổ
Lòng khẩn nguyện Di-Đà...



Rồi tuổi vừa lên tám
Đầu bịt trắng khăn tang
Ngày thơ chẳng biết gì
Tâm hồn như buổi sáng



Không còn ai an ủi
Lòng cảm thấy cô đơn
Tôi buồn tôi mất mẹ
Như mất cả hồn tôi



Mẹ hiền chết đã lâu
Bơ vơ từ bé bỏng
Một mình tìm sự sống
Trải mấy lớp thương đau



Vì mãi miết hơn thua
Đường đời nhiều nỗi nhọc
Quên mình trong sự sống
Chưa trở lại chùa xưa

Đã mấy lớp phong sương
Đường đời nhiều cảm xúc
Cõi trần hay vướng tục
Lòng chạnh nhớ vương vương...



Một buổi sáng không mưa
Một buổi chiều không nắng
Một mình trong quán vắng
Nhớ lại cảnh chùa xưa.



Nay trở lại chùa xưa
Đường về quê lối cũ
Trải thời gian mấy độ
Tường đượm phủ rêu thưa



Yên lặng, trải nắng mưa
Chùa làng dân đến lễ
Đức Phật ngồi trên bệ
Miệng mỉm cười như xưa



Khẩn nguyện như thuở nào
Qua bao hình ảnh mẹ
Tôi tìm tôi thuở bé
Lòng lại thấy nao nao

PHẬT TỬ

Kinh đảng Đức Từ-Phụ
A. DI. ĐÀ

MỘT đại phú gia kiêm công chức cao cấp, trên chiếc xe hơi bóng nhoáng đang hoàng bước xuống, thì gặp một em bé (em bé bán bánh mì thường bán tại nhà ông) cũng vừa bước đến. Nhưng hôm nay em không kè kè bao bánh mì như mọi ngày, mà thay vào một chiếc áo lam cũ kỹ; em xăm xăm bước vào cửa giảng đường. Vị phú gia nhìn em vui vẻ hỏi: Em cũng đến nghe giảng?

— Em bé bối-ngỡ, sợ sệt đáp nhỏ: vâng ạ

— Phú-gia bắt tay em thân mật: em cũng Phật-tử?

— Dạ vâng.

— Ô qua cũng Phật-tử, rồi ông vuốt tóc em âu yếm: mình là con Phật, là anh em mà. Thế rồi hai người dắt nhau cùng vào giảng đường. Trong giảng-dường người đông nghịt, vì hôm ấy là ngày 17 tháng 11 lễ khánh-dân Đức Phật A-Di-Đà. Ông vội mở tờ báo, trải xuống đất rồi hai người cùng ngồi nghe pháp. Hành động như vậy thật đúng tác-phong của người Phật-tử.

Đức Phật đầu có dạy người Phật tử phải làm toàn những việc to tác trước khi chưa chịu làm việc nhỏ nhỏ.

Đề chứng minh điều ấy, ta hãy lắng lé nghe lời Phật dạy * Trong kinh Địa-Tạng Đức Phật dạy: * Nếu Quốc-vương, Đại-thần v.v... Khi bố-thí phải đưa tận tay người xin, lại phải ân-cần, niềm nở khi người lãnh thọ vật thí của mình. Bố-thí được như vậy thì công-đức vô-lượng. *

Và ta hãy kính cần xem hạnh Phật làm: Hôm ấy Đức Thế-Tôn cùng đại chúng hành hóa qua một khoảng đường vắng, có một bà lão hành khất

ngồi dưới gốc cây đương chăm và bông sút chỉ, bà làm bầm: Chà, khổ quá không biết có ai làm chút phước mọn xâu hộ tôi cây kim, thì đức Thế-Tôn vừa đi đến, Phật cúi xuống xâu kim cho bà, khi trao kim chỉ tận tay, bà lão cảm ơn và hỏi: Ông là ai? Đi đâu mà đông thế?

— Đức Phật vui vẻ đáp: Tôi là Thích-Ca Mâu-Ni.

— Bà lão hoảng kinh chấp tay quỳ thẳng trước Phật: Con nghe đấng Đại-tử Đại-bi đã đầy đủ vô-lượng phước đức mới thành Phật. Vậy mà Ngài cũng còn làm chút phước mọn à?

— Đức Thế Tôn dịu dàng bảo: « Hễ người nào chịu làm vô-lượng phước mọn thì cuối cùng cũng được thành Phật như ta » Đây là lời Phật dạy, hạnh Phật làm để cho con Phật sau này nối theo, hầu đúng tác phong của người Phật-tử.

Nhưng muốn có những tác phong đúng đắn không phải dễ, nên không phải ai cũng làm được cái việc nhỏ nhỏ như vị phú-gia kia, và bố thí hợp pháp như trong kinh Địa-Tạng được.

Vậy muốn hướng dẫn đời mình cho đúng tác phong của người Phật-tử phải như thế nào?

Chắc các bạn phải ngạc nhiên khi nghe tôi giới thiệu. Thưa các bạn: Phương thức huấn luyện ấy không chỉ lạ, nó chỉ nằm gọn trong 6 chữ « Nam mô A-Di Đà-Phật ». Thông bệnh của chúng sanh là trọng nan kinh dị. (Quý cái khó, khinh việc dễ) nếu nghe nói tham-thuận, quán-tưởng hoặc tu luyện những pháp môn có vẻ kỳ lạ thì ưa, chớ niệm Phật thì ai mà không biết? Hoặc có người nghe nói niệm Phật thì họ đã hình dung ra một người ngồi xếp bàn tay cầm hạt Bồ-đề, mắt lim dim, miệng lầm-nhầm v.v... Rồi người ta cho thời buổi này mà cứ niệm Phật như vậy thật lạc hậu quá. Song họ không biết hiện nay các nhà thông thái khắp trên hoàn-cầu, khi nhận thấy con người ngày nay dùng quá trí lực, não cân của con người xoay hơn lòng-chóng, nào là niệm danh lợi, niệm tình ái, niệm hơn thua, hận thù, bỉ ngã, tìm cách này, thế khác để tranh đoạt quyền lợi về mình, nghĩ mưu nọ chước kia để áp chế bức hiếp kẻ đối phương, chế tạo tàu bay, tàu lặn để lên trời xuống đất v.v... Não cân bị làm việc quá mức vì thế họ tìm cách cho não cân nghỉ làm việc mỗi ngày nửa giờ hay một giờ... Họ đề riêng một căn phòng rộng và trống, mỗi buổi sáng vào ngồi yên lặng độ một giờ. Trong lúc ấy người ta gạt bỏ tất

cả ý nghĩ đề dương nảo cân. Nhưng phương pháp này rất khó hiệu nghiệm, vì ý thức con người sanh diệt từng sát na, vin vít như vượn chuyền cây dâu có, dừng nghỉ được nếu không biết cách đem niệm này đề đổi niệm kia thì không thể được.

Song nếu họ là Phật-tử thì phương pháp dưỡng thần trên rất dễ. Ta hãy đem niệm Phật đề đổi niệm chúng sanh (niệm danh lợi v.v...) Đây là nói về phương diện vệ-sinh của các nhà bác-học.

Còn đây: hiện nay nữ Thủ-tướng Tích-Lan. * Bà quả phụ Bandaranaike mới đắc cử làm Thủ-tướng Tích-Lan kiêm Tổng-trưởng bộ Quốc-phòng và Tổng-trưởng bộ Ngoại-giao. Bà là một Phật-tử thuần thành, cứ thường thường mỗi buổi sáng và tối bà tịnh niệm trước bàn Phật một giờ. Trong những ngày tranh cử bận rộn nhất mà bà cũng không xao lãng.

Như thế thì dâu lại phủ nhận cái việc khi thấy một người ngồi ngay thẳng, tâm hồn lặng lẽ đối diện trước khung cảnh thanh-tịnh (bàn Phật) mỗi ngày chỉ vài giờ khi ban mai và buổi chiều tà, mà cho là lạc hậu ?? !

Đề kéo lại vấn đề trên, tại sao người Phật tử muốn có một tác phong đúng đắn lại cần phải niệm Phật?. Niệm Phật là niệm những đức tánh của Phật. Đức tánh của Phật thật vô lượng, nhưng hiểu gọn hơn thì muốn hoàn thành một vị Phật phải đủ ba đức: Trí đức, đoạn đức và ân-đức hay nói: từ bi, trí huệ, đồng mãn cũng được. Nay người Phật tử thường thường tưởng niệm danh hiệu đức Phật A-Di-Đà tức là tưởng niệm những đức tánh từ bi, trí huệ, đồng mãn của Phật vậy, mà thật ra bi, trí, đồng mãn chính nơi mỗi chúng sanh đều có nó là nguyên liệu để thành Phật. Nên khi đức Bồn - sư mới thành chánh giác Ngài đã dạy: * Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh * nay ta thử tìm hiểu: Chính con cọp nó cũng là từ bi (nên hiểu chữ từ bi là cứu khổ ban vui). Như khi cọp mẹ nhìn đàn cọp con ngoan ngoãn doanh vây bên mình thì đôi mắt của cọp mẹ phóng ra những luồng từ bi rõ ràng.

Trí huệ: Như loài chuột cũng có trí huệ. Nó cũng biết thò đuôi vào chai dầu phụng, ngó ngoáy cho dầu dính vào đuôi rồi chụ xơi ngon lành, hay khi chúng ăn cắp trứng, một con nằm ngựa lấy bốn chân ôm quả trứng, một con cắn đuôi kéo.

Còn đúng mãnh: Một con gà mẹ liều chết kháng cự với con dều hâu để bảo vệ đàn con... xem đây, ta biết nơi hạ tầng chúng sanh còn đủ bi, trí, dũng, huống là thượng tầng nhân loại? Nhưng vì sao bi, trí, dũng của chúng sanh lại không được gọi là Phật? Vì bi, trí, dũng chỉ hạn cuộc trong chữ « ngã » hạ tầng chúng sanh từng nào thì bi, trí, dũng dùn lại từng ấy, nghĩa là nó chỉ gói gọn nơi con ta, gia đình ta mà thôi. Thượng tầng nhân loại nếu được sự giáo dục lành mạnh thì bi, trí, dũng nói rộng lẫn ra, biết sống tập đoàn, biết thương nòi giống, biết bảo vệ giang-sơn...

Nay người Phật tử niệm Phật là đề phát huy ba đức tánh trên. bớt vị ngã, thêm lợi tha, chẳng những thương nòi giống, yêu nhân loại, mà còn lân mẫn cả muôn loài bằng cách bảo tồn tánh mạng sản sóc nâng đỡ chúng.

Vậy đề đúng tác phong của người Phật tử: Bác nông phu biết niệm Phật thì khi nắng táp, mưa chan ngoài đồng, bác bớt hành hạ đánh đập trâu bò bằng cách nhận thấy chúng là ân nhân của mình, hoặc ruộng bác khô, ruộng người nhiều nước bác không nở hạ một lát cuốc, để nước chảy qua ruộng mình.

Đề đúng tác phong của người Phật tử: bà bán hàng biết niệm Phật nên khi đo hàng, cân bột v.v... bà mạnh mẽ bỏ hẳn tánh đo non cân thiếu. Hoặc những vị tham gia trong các ngành xã-hội mà biết niệm Phật thì họ sẽ mạnh mẽ bảo vệ quyền lợi cho dân chúng... Cho đến trong gia đình bác trai giữ đúng tác phong của người Phật tử thì sẽ bớt những tánh khó khăn trước những cảnh cơm không lành canh không ngon. Bác gái biết giữ đúng tác phong của người Phật-tử thì bác sẽ bớt tánh nhiều lời lắm chuyện đề lo gia đình tròn bòn phận. Cho đến con em trong nhà ai nấy đều biết giữ đúng tác phong của người Phật tử thì gia đình hòa thuận, xóm làng gần gũi thêm tình thân ái, vì tác phong của người Phật tử là lấy từ bi để cứu khổ, ban vui, dùng trí tuệ giúp người lợi vật, và mạnh mẽ diệt trừ những tâm niệm xấu xa hành động bất chánh, đề hướng dẫn đời mình và muôn loài đến chỗ an vui, giải-thoát.

THÍCH-NỮ CÁT-TƯƠNG

蓮花月刊紀念

發揚大乘佛法精神
引導現代人心正思

演培



題

民國四十九年
十一月十五日

PHÁP-SƯ DIỄN-BỒI

BÙI-CHÁNH NHƯ-TRỊ

NHỮNG buổi trưa Saigon bao giờ cũng nắng chói và nóng bức. Thế mà từ 1 giờ chúng tôi đã có mặt tại chùa Ấn - Quang để đến diện kiến Pháp - Sư Diễn - Bồi vừa mới từ Đài - Bắc sang. Pháp - Sư rất bận rộn, giờ khắc phải phân chia, thành thử chúng tôi có hẹn trước mới mong gặp được.

Đúng 2 giờ tôi cùng Thượng - Tọa Thích Mật - Nguyễn, thầy Thích Đức-Tâm và quý vị Tăng - già vừa ở Trung - Việt vào, lên xe đến gặp Pháp - Sư. Riêng Thượng - Tọa Thích Mật - Nguyễn là chỗ cựu giao với Pháp - Sư nhân khi Pháp - Sư viếng Việt - Nam lần trước, nên nóng lòng muốn gặp đề hàn-huyên, tôi và thầy Thích Đức-Tâm mỗi người mang trong trí óc bao nhiêu câu hỏi đề mong được Pháp-Sư giải đáp.

Trên đường đi đến Diệu - Pháp Tịnh - Xá, là nơi Pháp-Sư tạm trú, đạo-hữu Lâm-Vinh, cùng đi với chúng tôi để làm thông dịch-viên, đã cho chúng tôi biết sơ qua sự thành tâm thiện chí của Pháp - Sư trong lúc đi đây đi đó để lo công việc hoằng - dương, chấn - hưng Phật - đạo. Pháp - Sư Diễn-Bồi đã có lần hội-ngộ với Phật-tử Việt-Nam cách đây hai năm. Pháp-Sư hiện nay là một trong nhiều vị Pháp-Sư lỗi - lạc của Tăng - giới Trung-Quốc. Pháp-Sư là đồ đệ của Ngài Thái-Hư, một danh Tăng Trung-Quốc. Chủ-nhiệm tạp chí Hải - Triều - Âm, và Pháp-Sư Diễn-Bồi cũng là một trong những cây bút hoằng-pháp của tạp chí này.

Mãi nghe đạo-hữu Lâm-Vinh nói chuyện về thân-thể Pháp-Sư chúng tôi đến cửa Diệu-Pháp Tịnh-Xá từ lúc nào không biết.

Diệu-Pháp Tịnh-Xá nằm bên hông chợ Bình-Tây nói cho đúng đó là một căn phố được sửa chữa lại thành nơi để người Trung-Hoa tu niệm; chỉ có một lối đi vào bên trong là đi từ trước điện Phật ra hậu đường. Kề ra không có gì trang-nghiêm cho lắm nhưng thông cảm với cái nỗi "tất đất tất vàng" ở Saigon nên chúng tôi cũng không lấy gì ngạc nhiên.

Bước vào bên trong, trước hết chúng tôi được một Ni-Cô người Trung-Hoa ra đón tiếp. Ni-Cô ân cần không biết nói tiếng Việt, thành thử hai bên chỉ hiểu nhau qua cách chấp tay trước ngực xá, sau khi có đạo-hữu Lâm-Vinh làm thông ngôn. Ni-Cô mời chúng tôi vào nhà hậu. Nơi đó Pháp-Sư Siêu-Trần đón tiếp chúng tôi. Tôi không được biết Pháp-Sư Siêu-Trần, chỉ có một lần nào đó tôi có gặp Pháp-Sư đang trì tụng kinh Pháp-Hoa tại chùa Pháp-Hoa nhưng lần đó chỉ cảm mến Pháp-Sư qua đạo hạnh chứ chưa có dịp đàm đạo.

Hàn huyền hồi lâu với Pháp-Sư Siêu-Trần, mới thấy Pháp-Sư Diển-Bồi bước xuống. Pháp-Sư Diển-Bồi có nụ cười siêu thoát, vô-ưu khiến ai mới nhìn cũng sinh lòng cung kính.

Thượng-Tọa Thích Mật-Nguyện khởi đầu câu chuyện nhắc lại với Pháp-Sư những cảm tình của hàng Phật-tử Việt-Nam, nhất là Phật-tử Trung-Việt, đối với Pháp-Sư trong chuyến Pháp-Sư viếng thăm viếng Việt-Nam lần trước.

Tiếp theo đó, thầy Thích Đức-Tâm, nhân danh là Tổng thư ký Nguyệt-San Liên-Hoa đặt câu hỏi đề thỉnh giáo Pháp-Sư.

VẤN : *Pháp-Sư có thể cho chúng tôi biết mục đích của Pháp-Sư trong cuộc viếng thăm Việt-Nam lần này không ?*

ĐÁP : (Pháp-Sư mỉm cười) Người Phật-tử ở trong nước hay đi ra ngoài nước cũng không ngoài mục đích hoằng-dương Phật pháp.

VẤN : *Pháp-Sư nhận xét tình hình Phật-giáo Việt-Nam hiện nay ra sao ?*

ĐÁP : (Pháp-Sư trả lời một cách rất khéo léo và dè dặt) Tôi chưa được tiếp xúc nhiều với hàng Phật-tử Việt-Nam. Nhưng tôi nhận xét rằng : Mọi người ai cũng phải tiến-hóa, muốn tiến hóa, người Phật-tử Việt-Nam cũng tiến theo đà tiến hóa đó.

VẤN : *Pháp-Sư vui lòng cho giới Phật-tử Việt-Nam biết rõ tình hình hiện tại của Phật-giáo tại Trung-Hoa Dân-Quốc (Đài Loan)*

ĐÁP : (Về câu hỏi này Pháp-Sư phân tích từng phần một để trả lời)

1) Về Tăng Ni. Hiện nay số Tăng, Ni tại Đài-Loan không nhiều lắm, nhưng số tín đồ thuần-túy thì đông. Đề đảo tạo Tăng Ni, toàn thể Đài-Loan có : 3 trường Cao-cấp, 5 trường Trung-học, 3 Trường Tiểu-học.

Riêng tại Đài-Bắc có đến 3 Phật-Học-Viện và ở Tân-Trúc, (giữa Đài-Bắc Và Đài-Trung có 3 Phật-Học-Viện nữa). Các Phật-Học-Viện phân phối như sau :

Đài-Trung 3 Phật-Học-Viện

Đài - Nam 3 Phật-Học-Viện

Đài-Đông 1 Phật-Học-Viện.

2) Về các tạp chí Phật-giáo : Rất dồi dào, kể cả các tuần san và các cơ quan phát hành kinh sách.

a) Đài-Bắc. Có các cơ quan :

— Giác-thể tuần san (10 ngày ra một lần)

— Hải-Triều-Âm

— Trung-Quốc Phật-giáo

— Đài - Loan Phật-giáo

— Dân - Sinh.

Bốn cơ quan sau là Nguyệt-San.

b) Đài-Trung. Có một tuần san : « Giác-Sinh » và hai Nguyệt-San. « Từ--Quang » và « Bồ-Đề-Thọ »

c) Đài-Nam. Có hai Nguyệt-San : « Từ-Âm » và « Đại-Thừa »

3) Về các cơ quan phát hành thì có :

Đài-Bắc : — Thiện-Đạo.

— Đài-Loan Ấn Kinh Xứ

— Thư Cục Bồ-Đề

— Phật-Giáo Văn-Hóa Phục-Vụ-Xứ,

Đài-Trung. — Thụy-Thạnh

— Bồ-Đề Thọ Tạp Chí Lưu Thông Xứ. (Tức là cơ quan phát hành của Nguyệt-San Bồ-Đề-Thọ)

VẤN : Xin Pháp - Sư cho biết Chính phủ Trung-Hoa Dân-Quốc đối với Phật-giáo ra sao ?

ĐÁP : Chính phủ rất tôn trọng Phật-giáo, và dân chúng được hoàn toàn tự do tín-ngưỡng, nhưng Phật-giáo lại hay bị nạn ngoại đạo phá rối.

VẤN : Xin Pháp - Sư vui lòng cho biết, Pháp sư có định một chương trình hoằng pháp tại Âu-Mỹ không ?

ĐÁP : chúng tôi « dài duyên » (chữ đặc biệt mà Pháp - Sư đã lập lại hai ba lần một cách lý thú) nghĩa là khi nào có cơ duyên thì

chúng tôi sẽ đi. Vừa rồi Mỹ Quốc có phái một phái đoàn qua mời nhưng chúng tôi chưa có « cơ duyên » để đi.

(Ghi chú : Tôi vẫn cố tìm hiểu chữ « cơ duyên » và chữ « đại duyên » mà Pháp - Sư nhiều lần nhắc đến. Nhưng thật là bí mật ; không hiểu Pháp - Sư muốn nói cơ duyên đây là cơ duyên gì ? Tài chánh, nhân lực hay sự trở ngại của tư tưởng Âu Mỹ ? — Về điểm này chúng tôi đã đặt với Pháp - Sư câu hỏi sẽ thuật sau)

VẤN : *Pháp - Sư có thể cho biết theo tư trào ngày nay của dân chúng Á-Đông cũng như dân chúng Âu Mỹ, tôn phái nào của Phật-giáo dễ thu hút tín đồ nhất ?*

ĐÁP : Ngoại trừ một số người cố chấp, tôn phái thật ra không quan trọng ; chỉ nên chú trọng đến toàn thể Phật pháp, và nhất là chú trọng đến Đại-thừa Phật-pháp mà thôi : Tuy nhiên theo tôi biết thì sự truyền bá thích hợp hơn cả là « Tam luận Tôn » và « Duy Thức tôn »

(Ghi chú . Pháp-Sư sở trường nhiều về hai môn này vì vậy cũng không lấy làm lạ khi Pháp - Sư cho rằng hai tôn này dễ truyền bá hơn cả)

Pháp - Sư lại tiếp : Riêng ở Hoa - kỳ Phật tử thì thích « Thuyền-tôn » còn ở Âu-Châu, nhất là Pháp thì thích « Duy thức ».

(Ghi chú : đều này kẻ ghi chép cũng rất ngạc nhiên, đành rằng ở Châu Mỹ người ta ưa chuộng Thuyền-tôn vì lẽ hợp với tư tưởng thực tế của người Âu Mỹ, nhưng người Âu Mỹ trái lại khó mà có căn cơ đối với « Duy thức tôn » vì Duy thức tôn là một đặc sản của Đại thừa Phật-giáo chỉ dễ thích hợp với tư tưởng của người Á-Đông mà thôi).

Chúng tôi nhìn đồng hồ đã gần 4 giờ. Pháp - Sư sắp phải bận việc khác, tôi cố đặt thêm một vài câu hỏi. Pháp - Sư cũng chiều ý trả lời.

VẤN : *Pháp - Sư là một Đại Pháp sư, Pháp - Sư có nghĩ đến một chương trình phương pháp thế nào ngõ hầu thống nhất tư tưởng của Đại thừa và Tiểu thừa Phật giáo không ?*

ĐÁP : Mặc dầu phương pháp độ thế của Tiểu-thừa không bằng Đại-thừa nhưng không nên vì vậy mà khinh khi Tiểu-thừa và Tiểu-thừa cũng không nên hoài nghi Đại-thừa.

Thấy tôi chưa hoàn toàn thỏa mãn, Pháp - Sư mỉm cười nói tiếp :

Kế hoạch thống nhất tư tưởng không ngoài tìm những điểm đồng nhất của hai phái. Nghĩa là tìm những điểm giáo lý của Tiểu-thừa trong giáo lý Đại-thừa, những điểm Đại-thừa trong giáo lý Tiểu-thừa.

Thật ra tôi cũng đồng ý với Pháp-Sư rằng giữa hai phái đều có những điểm tương đồng (thí dụ về quan niệm phiền não, từ bi). Nhưng nó chỉ là những tương đồng nhỏ nhặt cái khác biệt quan trọng, chính yếu của hai phái vẫn quá to tát. Điều đó Pháp-Sư dường như « không chỉ ra » thành thử câu hỏi của tôi vẫn chưa được giải đáp.

Tôi muốn thỉnh giáo thêm Pháp-Sư, nhưng Thượng-Tọa Mật-Nguyễn mỉm cười nhìn tôi ra dấu như muốn bảo tôi đừng hỏi thêm nữa nên tôi lại thôi. Tuy nhiên chúng tôi cố nài Pháp-Sư thủ bút, tặng cho Nguyệt-san Liên-hoa bài kệ, và riêng tôi mấy chữ đề kỷ niệm, Pháp-Sư vui vẻ nhận lời.

Pháp-Sư lên gác, viết mấy bài kệ đưa cho tôi. Bài tặng cho Liên-Hoa Nguyệt-san (chúng tôi có làm bản kẽm bên cạnh) rất hay. Thầy Đức Tâm đọc xong hỏi Pháp-Sư có phải đây là bài kệ viết ngoài bia tháp chí Hải Triều Âm? Pháp-Sư gật đầu, tỏ vẻ thán phục và nói :

Tôi không ngờ quý vị lại đọc nhiều học rộng như vậy.

Chúng tôi giả từ Pháp-Sư lúc trời đã chiều và điều mà có lẽ chúng tôi sẽ còn nhớ mãi vẫn là tính tình dễ cảm và đạo hạnh của Pháp-Sư.

BÙI CHÁNH NHƯ TRỊ.

Kính quý độc giả !

Liên-Hoa còn một số nữa là hết năm Canh-Tý.

— Vị nào chưa thanh toán tiền năm nay xin vui lòng gửi gáp về cho.

— Vị nào có cớ động thêm độc-giả năm mới cho chúng tôi biết.

— Vị nào vì một trở duyên gì không tiếp tục mua Liên-Hoa nữa cũng tin cho chúng tôi biết để chúng tôi đủ thì giờ trừ liệu việc ấn-loát Liên-Hoa năm mới (Tân-Sửu). Mong quý vị lưu ý, chúng tôi xin cảm ơn.

L. H

Pháp-sư Diển-Bồi trở lại Việt-Nam. — Pháp-sư Diển-Bồi một vị Pháp-sư uyên-bác ở Trung-Hoa, hồi tháng 7 năm 1958 có đến Việt-Nam và có thuyết-pháp tại các nơi: Sài-gòn, Nha-trang, Đà-lạt Huế, v.v... đã được Phật-tử Việt-Nam rất mến phục. Nay trên đường qua Mã-Lai Pháp-sư có nhã ý ghé thăm Việt-Nam được các giới Phật-tử Việt, Hoa rất vui mừng, Hội Phật-Học Nam-Việt mời Pháp-sư giảng tại chùa Xá-lợi. Hội Phật-Giáo Bắc-Việt mời giảng tại chùa Phước-Hòa và Pháp-sư đã lần lượt giảng các chùa Việt-Hoa ở Sài-gòn Chợ-lớn do Chư Tăng Ni và các đoàn thể Phật-giáo cung thỉnh.

Bản báo Tổng thư ký trong dịp công tác Phật sự tại Sài-gòn có gặp Pháp-sư tại Diệu-Pháp Tịnh-xá và có phỏng vấn Pháp-sư, bài phỏng vấn ấy có đăng trong số Liên-Hoa này.

Cuộc diễn thuyết tại chùa Xá-lợi. — Đại-Đức Bhaskaranand P.P — là một giáo-sĩ Ấn-Độ-giáo, nay đã 60 tuổi chuyên tu hạnh Dục-già hiện ở Tân đê-Ly, suốt đời của Đại-Đức là chuyên vận-động

đoàn kết tôn-giáo trên thế giới, xây dựng hòa bình cho nhân loại.

Tuy tuổi đã già nhưng Đại-Đức rất hăng hái hoạt-động. Đại-Đức đến Sài-gòn ghé thăm chùa Xá-Lợi có giảng một thời với tối 19.11.1960 với đề tài: Nền tảng của đời sống nhân loại. Buổi giảng của Đại-Đức nêu rõ tình nhân loại và cố vô chấm dứt nạn chiến tranh.

Đại-Hội Gia-Đình Phật-Tử Thừa-thiên. — Đại-Hội Gia-Đình Phật-Tử Thừa-Thiên đã tổ-chức vào hai ngày 14 và 15 tháng 11 âm-lịch tại Chùa Báo-Quốc Huế, có Đại-biểu trên 90 Gia-Đình toàn tỉnh tham dự.

Cuộc kinh lý của Thượng-Tọa Trj-Sự-Trưởng Trung-Phần. — Thượng-Tọa Thích-Mai-Nguyễn Trj-Sự-Trưởng Giáo-Hội Tăng-Già Trung-Phần lên đường viếng thăm và điều chỉnh Phật sự Giáo-Hội Tăng-Già các tỉnh: Khánh hòa, Ninh-thuận, Bình-thuận, Lâm đồng và vào Sài-gòn thảo luận các Phật sự Tổng-Hội và Giáo-Hội Tăng-Già toàn quốc, Thượng-Tọa đã cùng với Hòa-Thượng Hội-chủ trở về Huế vào ngày 5.11-âm-lịch.

TIN THẾ-GIỚI

Cuộc du hành của một nữ Phật-tử người Mỹ tại Á-Đông. Cô Aurora de Gregory một nữ Phật-tử thuần thành người Mỹ, trên đường về nước đã viếng thăm Nhật-Bản sau khi từ giả Ấn-Độ. Cô đã tuyên bố: « Tôi rất chú ý đến Phật-giáo sau khi tôi đã xem cuốn Ảnh sáng Phương-Đông của ông Edwin Arnold lúc tôi mới 16 tuổi ». Cô đã học hỏi về Thuyền-tôn với Thuyền-sư Sohaku Ogata và ông D.T Suzuki.

Cô thường hay đến các chùa ở Chicago và Nữ-Uớc để nghe giảng. Cách ba năm cô đã đi viếng tất cả những thắng tích của Phật-giáo tại Ấn-Độ. Cô đã tham khảo Phật-giáo ở Kalimysong với Đại-Đức Sangha rakshita Thera. Cô cũng đã viếng Diển-Điện và nơi đây cô cũng đã hỏi thêm về Phật-giáo.

Tù nhân Diển-Điện được giảng về Phật-giáo. — « Những

tử nhân Diên-Điện được giảng dạy về Phật-giáo trong nhà giam, và được phép dự thi về Phật-giáo, và tùy theo kết quả cuộc sát hạch này, sẽ được giảm tội ». Đó là lời tuyên bố của đại sứ Diên-Điện tại Tích-Lan trong khi nói chuyện với Hội-nghị Thanh-niên Phật-tử Tích-Lan tại Balapitiya cách 6 cây số phía nam thủ đô Colombo. Vị Đại sứ còn cho biết rằng làm trụ trì một ngôi chùa là một vinh dự lớn lao nhất mà mọi người đều đeo đuổi, và mọi người đều kính mến một người như vậy. Chính phủ Diên-Điện đặc biệt lưu tâm đến một người như thế. Vị Đại-sứ nói thêm rằng mỗi người đàn ông ở Diên-Điện đến 16 tuổi thì xuất gia 2 năm và trong thời gian này tự mình quyết định nên tu hành hẳn hay trở về đời. Người ta không xem người già vì tuổi mà vì những năm đã sống tu trong chùa. Tám mươi phần trăm dân chúng trí thức ở Diên-Điện là những người đã có giáo-dục trong Giáo-hội Tăng-già.

Một cuốn kinh viết bằng máu người. — Vào năm 1139, một vị vua Nhật tên là Sutoku, bị truất ngôi vua, và bị đày ra đảo Sanuki. Tại đây, trong 5 năm trời rông rã, vua Sutoku — một người rất mộ đạo Phật — đã tự ý trích máu của mình ra để chép lại một cuốn kinh nhà Phật. Cuốn kinh này dày 135 trang, có 1215 giọng và 10.500 chữ. Trong khi chép lại cuốn kinh trên bằng máu, vua Sutoku chuyên cầu nguyện Đức Phật cho ông trở về xứ. Quả nhiên vào năm 1144, vị vua chiếm ngôi lại bị hạ bệ, và triều đình Nhật lại đến đảo Sanuki đón vua Sutoku về trị vì con cháu của Thái-Dương Thần-Nữ. Cuốn kinh Phật viết bằng máu vua Sutoku hiện còn được cất tại một ngôi chùa cổ ở Edo.

Buổi nói chuyện đời sống trong Giáo-Hội Tăng-Già. — Giáo sư Von Furer Haimendaff của Đại-học-Đường Luân-Đôn sau khi đến Tích-Lan để nghiên cứu mọi phương-diện của Phật-giáo đã nói về « Đời sống trong Giáo-hội » tại Anh-kiều Hội-quán ở Colombo — Trong buổi diễn-thuyết này giáo sư đã chiếu ảnh để giúp khán giả dễ hiểu.

Giáo sư có đến viếng thăm Đại-học-Đường Vidyodaya (ở Colombo) và bàn luận với vị Phó-viện-trưởng Đại-đức Sorata Maha Thera về tánh chất của các môn học tại viện Đại-học Phật-giáo này.

Một Tỳ-kheo nghệ sĩ viếng Nhật-Bản. — Vị Tỳ-kheo nghệ sĩ có tiếng ở Tích-Lan, Đại-đức Mapalagama Vipulasara Thera, trụ-tri ngôi chùa Ratmalana gần Colombo, đã đi Nhật-Bản trong một cuộc du-hành văn-hóa. Cuộc du hành này đã được Bộ Văn-hóa Tích-Lan và sứ-quán Nhật tại Colombo bảo trợ.

Vị Tỳ-kheo cho biết, trong 2 tháng ở Nhật Ngài sẽ giảng về mỹ thuật Phật-giáo và tổ-chức những cuộc trưng bày về mỹ thuật Phật-giáo, Ngài có đem theo một số tranh.

Một giáo-sư Đại-học Mỹ nghiên cứu Thiền-Tôn. — Tờ văn tập của Hội những người Mỹ ban của Phật-giáo ở Hoa-Thịnh-Đồn đã loan tin rằng giáo sư Bernard Phipps một điển giả xuất sắc về Thiền-Tôn, đã từ chức giảng viên tại Đại-học-Đường Delawars để hưởng trợ cấp giúp cho ông ta sống một năm ở Nhật để nghiên cứu Thiền-Tôn. Ông nói « Tôi đang trải qua một năm như một ẩn-sĩ, sống trong một túp lều trên đất một ngôi chùa xưa đã 700 năm, và cũng trên đất này có ngôi nhà và thư-viện của giáo D.T. Suzuki